

THE WONDROUS NEW YORK TIMES BESTSELLER

ALAN LIGHTMAN



NHỮNG GIẤC MƠ CỦA EINSTEIN



Những Giấc Mơ Của Einstein

Tác giả: Alan Lightman

Người dịch: Lê Chu Cầu

Nhà xuất bản: Nxb Hội Nhà Văn

Nhà phát hành: Nhã Nam

Kích thước: 12x20 cm

Ngày phát hành: 2006

Số trang: 164

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

Giới thiệu

Alan Lightman sinh ở Memphis, bang Tennessee, Hoa Kỳ năm 1948, là nhà vật lý và tiểu thuyết gia nổi tiếng. Ông lấy bằng tiến sĩ vật lý lý thuyết năm 1974 ở Viện Công nghệ California, từng là giáo sư của Đại học Harvard và nay là giảng viên cao cấp ở Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Ông viết văn từ năm 1981 và đạt được nhiều thành công, nhất là cuốn *The Diagnostic* đoạt Giải thưởng sách Quốc gia 2000 và cuốn *Einstein's Dreams*. Cuốn sách này là best-seller do *The New York Times* bình chọn, đã được dịch ra ba mươi thứ tiếng, dùng để giảng dạy trong nhiều trường đại học và nhận được những đánh giá rất cao của giới phê bình:

Nhận định

“Những giấc mơ của Einstein đã vượt qua những thử thách đối với một cuốn sách kinh điển: khiến người ta phải ngay lập tức đọc lại và việc diễn giải cho cuốn sách không thể nào thay thế được việc đọc nó. Nó thật ngắn ngủi nhưng sẽ ở lại lâu dài trong tâm trí ta.” – *Nature*

“Một cuốn sách đáng kinh ngạc nhất... đưa chúng ta đi xa hơn bất cứ nơi nào ta từng đến... độc đáo một cách trọn vẹn, tuyệt vời, chậm rãi, thông tuệ.” – *Sunday Times*

“Một tác phẩm đẹp đẽ của trí tưởng tượng, khám phá lẽ tự nhiên của sáng tạo... mang bạn đến gần với Einstein tới mức như đã bước được vào trong thế giới của ông... Lightman là một tác giả tuyệt vời” – *Minneapolis Star – Tribune*

“Một vương quốc siêu hình, kỳ diệu.” - *New York Times*

Kỳ lạ và đầy suy tưởng, vừa khôi hài vừa gợi mở tư duy... tác phẩm đã đưa người đọc vào thế giới của giấc mơ bằng một thanh nam châm khổng lồ. cũng như trong tác phẩm của Calvino, các yếu tố tưởng tượng của câu chuyện đã được đặt trong một thứ văn xuôi xác thực, trong suốt. - *The New York Times*

“Lightman là một người vẽ bằng ý niệm về thời gian... một khám phá đầy gợi mở về cảm giác khó lường của thời gian.” – *Los*

***Vào truyện**

Tiếng tháp chuông đồng hồ trên một con đường có mái vòm xa xa điểm sáu lần rồi im bật. Người đàn ông trẻ tuổi ngồi gục đầu trên bàn giấy. Tờ mờ sáng nay anh đã tới Viện, sau khi đã xới kĩ vấn đề thêm lần nữa. Tóc không chải, quần rộng thùng thình. Tay anh cầm hai mươi trang giấy – lý thuyết mới của anh về thời gian – mà hôm nay anh sẽ gửi cho tạp chí Vật lý Đức.

Những âm thanh yếu ớt của thành phố ulla vào căn phòng. Tiếng một chai sữa cọ vào da. Tiếng mái bạt che mưa nắng được quay thả xuống ở một cửa hàng trên Marktgasse. Tiếng một chiếc xe chở rau chậm chạp đẩy qua đường. Trong một căn hộ gần đó có tiếng một người đàn ông và một người đàn bà đang thăm thì với nhau.

Ánh sáng lờ mờ lọt vào căn phòng khiến những cái bàn giấy trông mờ ảo và hiền lành như những con vật to kềnh đang nằm ngủ. Trừ cái bàn của người đàn ông trẻ tuổi nọ là đầy những cuốn sách được mở ra, còn trên mười hai cái bàn gỗ sồi kia gọn gàng ngăn nắp những hồ sơ của ngày hôm qua. Hai giờ nữa, viên chức nào tới đây làm việc đều biết rõ mình phải bắt đầu với chuyện gì. Còn lúc này, trong cái ánh sáng mờ mờ kia, thật không dễ nhận ra đám hồ sơ trên các bàn nọ cũng như cái đồng hồ trong góc phòng và chiếc ghế của cô thư kí bên cạnh cửa ra vào. Thứ duy nhất mà ta thấy được lúc này là đường nét mờ ảo của những cái bàn và dáng khòm khòm của người đàn ông trẻ tuổi.

Cái đồng hồ không nhìn rõ trên tường kia chỉ sáu giờ mười. Cứ sau mỗi phút thì những đồ vật khác rõ nét dần thêm. Đây là sọt giấy bằng đồng thau, kia là quyển lịch treo tường. Đây là tấm ảnh gia đình, hộp kẹp giấy, lọ mực và cây bút. Kia là máy đánh chữ và một cái áo vest vắt trên thành ghế. Theo thời gian, những cái kệ sách gắn đầy tường cũng lộ dần ra khỏi màn đêm. Trên kệ là những ghi chú về các bằng phát minh. Bằng phát minh về một cái máy khoan mới có những bánh xe răng cong sao cho ít ma sát nhất. Bằng khác về một máy ổn áp bất chấp sự dao động của dòng điện. Bằng về

một máy đánh chữ với cần gõ từ từ, loại bỏ được tiếng kêu lạch cạch. Đây là một căn phòng đầy những sáng kiến thực dụng.

Ngoài kia, mỏm núi Alps bắt đầu rực lên trong nắng. Lúc ấy đang là cuối tháng Sáu. Bên kia sông Aare một người tháo dây buộc thuyền, đẩy thuyền ra và thả cho trôi theo dòng nước tới Gerberngasse để chuyển món táo và dâu mùa hè lên bờ, Người chủ lò bánh mì bước vào lò bánh trên Marktgasse, đốt lò than rồi bắt đầu trộn bột mì với bột nở. Trên cây cầu Nydegg, một đôi tình nhân ôm nhau, mơ màng nhìn dòng nước. Ở đường Schiff-laube, một người đàn ông đứng trên ban công ngược mắt thăm dò bầu trời màu hồng nhạt. Một người đàn bà không ngủ được chậm chạp đi dọc Kramgasse, ngó vào từng khung mái vòm còn tối thui và đọc trong ánh sáng mờ mờ những tấm áp phích treo ở đó.

Trong văn phòng dài mà hẹp trên Speichergasse – cái văn phòng đầy những sáng kiến thực dụng nọ - anh chàng nhân viên của Cơ quan cấp bằng minh vẫn còn ườn người trên ghế, đầu tựa tên bàn giấy. Suốt mấy tháng qua, từ giữa tháng Tư, anh đã nhiều lần mơ về thời gian. Những giấc mơ này đã tác động lên việc nghiên cứu của anh. Chúng đã làm anh mệt mỏi, khiến anh kiệt sức đến nỗi đôi khi anh không biết mình thức hay ngủ, Nhưng bây giờ thì chẳng cần mơ nữa, Trong bao nhiêu tưởng tượng về bản chất thời gian anh mơ suốt bấy nhiêu đêm, theo anh có một cái là rất hấp dẫn. Không phải những tưởng tượng khác là bất khả. Biết đâu chúng lại chẳng tồn tại trong những thế giới khác.

Người đàn ông trẻ tuổi, tựa mình trong ghế, đợi cô thư ký tới và khẽ ngân nga một đoạn trong Sonate Ánh trăng của Beethoven.

***14 tháng Tư 1905**

Giả sử thời gian là một đường tròn, tự xoay trong trên chính nó, thì thế giới sẽ lặp lại y hệt như trước và lặp lại không ngừng.

Phần lớn người ta không biết rằng mình sẽ lại sống cuộc đời như trước. Các thương nhân không biết họ sẽ lại bán buôn hoài hoài cũng những thứ ấy, các nhà chính trị không biết rằng trong vòng tròn thời gian, số lần phát biểu của họ trên cùng cái diễn đàn ấy là vô tận. Các bậc cha mẹ nâng niu gìn giữ kỉ niệm về nụ cười đầu tiên của đứa con như thể họ sẽ không còn bao giờ được nghe lại nữa. Những kẻ yêu nhau lần đầu ân ái, ngượng ngùng cởi bỏ áo quần, ngạc nhiên về cặp đùi và núm vú mềm mại. Làm sao họ biết được mỗi cái nhìn e ấp, mỗi vuốt ve đều sẽ lặp lại mãi, y như trước?

Ở Marktgasse cũng y như thế. Làm sao chủ các hiệu buôn biết được rằng mỗi cái áo len đan tay, mỗi chiếc khăn thêu, mỗi phong sô-cô-la Praline, mỗi cái la bàn và mỗi chiếc đồng hồ tinh xảo lại sẽ quay trở về với cửa hàng của họ? Chiều đến họ về nhà với gia đình hay vào quán uống bia, vui vẻ chào hỏi bạn bè trong những con đường hẹp mái vòm, họ nâng niu từng giây phút chẳng khác nâng niu một viên ngọc lục bảo được người ta nhờ tạm thời giữ hộ. Làm sao họ biết được rằng không có gì trôi qua cả, rằng tất cả sẽ lại xảy ra? Họ không thể biết được những điều đó, như một con kiến đang bò trên vành ngọn đèn pha lê không biết rằng nó sẽ lại quay về khởi điểm.

Trong nhà thương trên Gerberngasse, có một người vợ đang vĩnh biệt người chồng. Ông chồng nằm trên giường nhìn vợ trần truồng với đôi mắt trống rỗng. Trong hai tháng cuối bệnh ung thư đã lan từ thanh quản tới gan, tuyến tụy và óc. Hai đứa con nhỏ ngồi trên chiếc ghế trong góc phòng sợ hãi không dám nhìn ông bố má hóp, da dẻ héo khô như một người già. Người vợ lại giường, âu yếm hôn trán chồng, thì thầm chào rồi bước vội ra về với mấy đứa con. Bà tin chắc rằng mình vừa hôn chồng lần cuối cùng. Làm sao bà biết được thời gian sẽ lại bắt đầu, rằng bà sẽ lại tái sinh, sẽ lại đến trường trung học. Làm sao bà biết được rằng mình sẽ lại trưng bày tranh ở phòng tranh ở Zurich, rằng sẽ quen ông chồng tại một

thư viện nhỏ ở Fribourg. Làm sao bà biết được rằng vào một ngày tháng Bảy ấm áp mình sẽ lại đi thuyền với ông trên hồ Thun, rằng bà sẽ lại sinh con để cái, rằng ông chồng sẽ lại làm việc tám năm trong một hãng bào chế dược phẩm và rồi một buổi chiều ông về nhà với khối u nơi thanh quản, sẽ lại ới mưa, yếu đi và giây phút này sẽ vào nằm trong nhà thương này, trong căn phòng này, trên cái giường này? Làm sao bà biết được những điều ấy?

Trong một thế giới mà thời gian là một đường cong thì mỗi cái siết tay, mỗi nụ hôn, mỗi lần sinh nở, mỗi lời nói sẽ lặp lại như cũ. Và cũng như thế, mỗi khoảnh khắc hai người bạn không còn là bè bạn của nhau, mỗi lúc một gia đình tan vỡ vì túng bần, mỗi lời nhức tai xóc óc khi đôi vợ chồng cãi vã. mỗi cơ hội thăng tiến bị cấp trên ghen ghét cản trở, mỗi một lần thất hứa.

Hết như mọi việc sẽ lặp lại, mọi việc đang xảy ra đều đã xảy ra cả triệu lần. Trong mỗi thành phố đều có những người lơ mờ nhận ra, trong giấc mơ của họ, rằng mọi chuyện đã từng xảy ra rồi. Đó là những người không có cuộc đời may mắn, và họ cảm thấy những phán đoán và hành động sai lầm của mình, thấy đều đã từng xảy ra trong một vòng thời gian trước. Trong màn đêm tĩnh lặng, những kẻ phải gánh chịu lời nguyền này cứ trần trọc trên giường, không yên, họ giày vò bởi biết rằng không thay đổi được chút gì trong hành động và cử chỉ của mình. Những lỗi lầm của họ sẽ lặp lại trong đời này y hệt như trong đời trước. Chính sự bất hạnh gấp đôi này mang đến cho ta dấu hiệu duy nhất về việc thời gian là một vòng tròn. Bởi vì canh khuya, các phố xá và ban công trống trải của thành phố nào cũng đầy những tiếng thở than rên rỉ của họ.

***16 tháng Tư 1905**

Trong thế giới này thời gian như một dòng nước, đôi khi bị một mảnh vụn hay một làn gió nhẹ làm cho chuyển dòng. Thỉnh thoảng một nhiễu động trong vũ trụ lại khiến cho một nhánh nhỏ thời gian tách khỏi dòng chính để trôi ngược trở lại. Lúc đó chim muông, con người và vùng đất ở trên cái nhánh tách ra này thỉnh thoảng sẽ bị cuốn về quá khứ.

Rất dễ nhận ra những kẻ bị đẩy ngược dòng thời gian này. Họ mặc đồ sẫm và kín đáo, họ đi rón rén, cố không gây tiếng động hay làm gãy một ngọn cỏ nào. Bởi vì họ lo rằng một thay đổi mình tạo ra trong quá khứ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới tương lai.

Chẳng hạn ngay chính lúc này đây một người như thế, một người đàn bà, đang ngồi trong bóng râm của hàng cây trước ngôi nhà số 19 Kramgasse. Với một người đến từ tương lai thì đây là một địa điểm lạ lùng, nhưng bà ngồi đó thật. Người qua lại dăm dăm nhìn bà rồi đi tiếp. Bà ngồi thu lu trong một góc, bò nhanh qua đường rồi thu người trong một góc tối khác trước ngôi nhà số 22. Bà rất sợ, cố không làm bốc lên tí bụi nào, hết như một ông Peter Klausen nào đó đang trên đường tới tiệm thuốc vào xế trưa ngày 16.4.1905 này. Ông Klausen này hơi làm đờm, không ưa quần áo dính bẩn. Chỉ cần làm vướng một chút bụi là ông sẽ đứng ngay lại, phui thật kĩ, bắt chập giờ giấc đã hẹn. Khi Klausen vì thế mà tới trễ thì ông sẽ không mua được thuốc bôi cho bà vợ cả tuần nay bị đau chân. Thế là bà vợ sẽ bực mình và có thể sẽ không chịu đi chơi hồ Genève nữa. Nếu ngày 23.6.1905 bà không đi chơi hồ Genève thì sẽ không gặp một cô Cathérine d'Espinay nào đó đi dạo trên con đê nơi bờ hồ phía Đông và bà sẽ không giới thiệu được cô d'Espinay với cậu con trai tên Richard. Richard và Cathérine sẽ không lấy nhau vào ngày 17.12.1908 và con trai họ - Friedrich – sẽ không ra đời ngày 8.7.1912. Và ngày 22.8.1938 ông Friedrich Klausen này sẽ không là bố của Hans Klausen, mà không có ông Hans Klausen thì Liên minh châu Âu sẽ không thành hình vào năm 1979.

Từ tương lai, người đàn bà nọ bị thả về thời gian và nơi chốn này mà không được báo trước, bà cố ẩn mình trong góc tối trước căn

nhà số 22 Kramgasse để không ai nhìn thấy; bà biết câu chuyện về dòng họ Klausen và hàng nghìn chuyện khác sẽ xảy ra, tùy thuộc vào những đứa trẻ sinh ra, cung cách người ta đi đứng trên đường phố, tiếng chim hót vào một thời điểm nào đó, vị trí chính xác của những cái ghế và tùy thuộc vào gió. Bà ngồi thu mình trong bóng tối, phớt lờ những cặp mắt của người qua lại. Bà ngồi đó chờ dòng thời gian đưa bà trở lại với thời gian thật sự của mình.

Khi một người đến từ tương lai muốn nói điều gì thì hắn không nói thành tiếng mà khóc ư ử. Hắn phải chịu sự giày vò của địa ngục. Vì chỉ cần hắn làm thay đổi chút xíu thôi là hắn có thể tàn phá tương lai. Đồng thời hắn phải chứng kiến những chuyện này khác mà không được tham dự, không được can thiệp vào. Hắn ganh với những người được sống trong thời gian của họ, được làm điều họ muốn mà không cần nghĩ tới tương lai, không cần biết hậu quả việc mình làm. Còn hắn lại không thể làm được. Hắn là một thứ khí hiếm, một bóng ma, một cái khăn trải giường vô hồn. Hắn đã bị mất đi cá tính. Hắn là kẻ bị lưu đày trong thời gian.

Làng mạc nào, thành phố nào cũng có những con người khốn khổ như thế đến từ tương lai: họ nấu mình dưới mái hiên nhà, dưới hầm, dưới gầm cầu, trong những chốn bỏ hoang. Người ta không hỏi họ về những chuyện sắp xảy ra, về những cuộc hôn nhân và sinh đẻ trong tương lai, về những chuyện tiền bạc, những phát minh và những mối lợi thu được của các phát minh này. Người ta thấy tội nghiệp và để họ yên thân.

***19 tháng Tư 1905**

Đó là một buổi sáng lạnh lẽo tháng Mười một, tuyết đầu mùa bắt đầu rơi. Ở Kramgasse có một người đàn ông mặc măng-tô da dài đứng trên ban công tầng bốn, phía dưới là cái hồ phun Zhinger và con đường trắng xóa. Về phía Đông ông có thể thấy được đỉnh tháp mỏng mảnh của nhà thờ chính tòa, phía Tây cái mái cong cong của ngọn tháp Zytglogge. Nhưng ông không nhìn về phía Đông hay phía Tây, mà đăm đăm ngó xuống một cái mũ con màu đỏ trên mặt tuyết. Ông suy tính. Có nên đến thăm người đàn bà ở Fribourg không? Hai bàn tay ông nắm chặt chân song sắt, buông ra rồi lại bấu lấy. Có nên thăm nàng không? Có nên thăm nàng không?

Ông quyết định không gặp lại nàng. Nàng ích kỉ và tự cho rằng cái gì cũng biết hơn người khác. Biết đâu nàng sẽ khiến cả đời ông khổn khổ. Có thể nàng chẳng quan tâm gì đến ông. Thế là ông quyết định không gặp lại nàng. Thay vào đó ông chăm lo mối quan hệ với cánh đàn ông. Công việc trong nhà máy dược phẩm bù đầu đến nỗi ông chẳng còn hơi sức đâu mà ngó ngang đến cô trợ lý giám đốc. Tối tối ông cùng với mấy ông bạn đi uống bia ở cái quán trên Kochergasse và học cách làm món fondue. Ba năm sau ông gặp một người đàn bà xinh xắn khác trong một hiệu quần áo ở Neuchâtel. Mãi vài tháng sau nàng mới ngập ngừng ưng thuận. Một năm sau nàng dọn về Berne với ông. Cuộc sống của họ êm đềm. Họ đi dạo bên sông Aare, ý hợp tâm đầu và hạnh phúc cho đến già.

Trong thế giới thứ hai người đàn ông mặc măng-tô dài đi tới quyết định phải gặp lại người đàn bà ở Fribourg. Ông hầu như không biết gì về nàng cả, có thể nàng ích kỉ đấy, cách nàng đi đứng cho thấy nàng là người hời hợt, nhưng gương mặt nàng mới dịu hiền sao khi nàng mỉm cười, nàng thật biết cười và khéo ăn khéo nói làm sao! Đúng, ông phải gặp lại nàng. Ông đến Fribourg thăm nàng, cùng ngồi với nàng trên chiếc ghế dài và tức thì ông cảm thấy tim rộn lên, thấy mình yếu đuối hẳn khi được nhìn cánh tay trắng muốt của nàng. Họ ân ái với nhau, nồng nàn và ồn ào. Nàng thuyết phục ông dọn về Fribourg. Ông thôi việc ở Berne, về Fribourg làm việc ở Bưu điện. Tình yêu khiến ông như bốc cháy. Trưa nào ông cũng về

nhà. Họ ăn trưa, họ yêu nhau, họ cãi nhau. Nàng phàn nàn không đủ tiền tiêu, ông mong nàng thông cảm, nàng ném chén đĩa vào ông, họ yêu nhau lần nữa rồi ông trở ra Bưu điện. Nàng dọa sẽ bỏ ông nhưng nàng không bỏ. Ông sống hoàn toàn vì nàng và sung sướng với nỗi lo sợ của mình.

Trong thế giới thứ ba ông cũng đi tới quyết định phải gặp lại nàng. Ông hầu như không biết gì về nàng cả, có thể nàng là người hời hợt, nhưng khuôn mặt nàng mới dịu hiền làm sao khi họ cười và khéo ăn khéo nói làm sao! Đúng, ông phải gặp lại nàng. Ông đến Fribourg thăm nàng, nàng mời ông vào nhà, ông ngồi trong bếp uống trà với nàng ở bàn. Họ trò chuyện về việc làm của ông ở hãng dược phẩm, việc của nàng ở thư viện. Sau một giờ nàng nói phải đi giúp một cô bạn chút việc, nàng chào ông và hai người bắt tay nhau từ giã. Đi ba mươi cây số về lại Berne, ông ngồi trên xe lửa mà cảm thấy lòng trống trải. Tới nhà ở Kramgasse ông leo lên tầng bốn, ra đứng ngoài ban công nhìn đăm đăm xuống cái mũ con màu đỏ trên tuyết.

Trong thực tế thì ba chuỗi sự kiện này diễn ra đồng thời. Vì trong thế giới này thời gian có ba chiều, giống như không gian vậy. Một vật thể có thể chuyển động trên ba chiều thẳng góc với nhau, đó là các chiều ngang, dọc và thẳng đứng, và tương tự như thế, một vật thể cũng có thể tham dự vào ba chiều tương lai như vậy. Mỗi tương lai chạy trên một chiều. Mỗi tương lai đều có thật. Tại mỗi điểm xảy ra quyết định, chẳng hạn đi Fribourg thăm người đàn bà hay mua cái áo măng-tô mới, thế giới sẽ tách thành ba thế giới cũng với những con người ấy, nhưng họ chọn những lối sống khác nhau. Cuối cùng, con số thế giới sinh ra là bất tận.

Có những người coi nhẹ chuyện quyết định, lấy cớ rằng mọi quyết định khả dĩ sớm muộn rồi cũng sẽ xảy ra. Trong một thế giới như ta vừa nói thì họ chịu trách nhiệm thế nào về hành động của mình đây? Người khác lại bảo rằng phải cân nhắc kỹ mỗi một quyết định rồi theo đến kì cùng, kẻo sẽ hỗn loạn. Những người này mãi nguyện sống trong những thế giới mâu thuẫn nhau, chừng nào họ chỉ biết được nguyên do cho mỗi thế giới đó.

***24 tháng Tư 1905**

Trong thế giới này có hai thứ thời gian khác nhau: thời gian cơ học và thời gian của cơ thể. Cái thứ nhất thì cứng ngắc như kim loại, giống như con lắc bằng thép to tướng lắc qua lắc lại, lắc qua lắc lại. Cái thứ hai uốn éo, quấy tới quấy lui như một con cá thu trong vịnh. Cái đầu đã được định trước và không uốn nổi. Cái sau thay đổi tùy trường hợp.

Nhiều người tin chắc rằng không có thứ thời gian cơ học. Khi đi ngang qua chiếc đồng hồ khổng lồ ở Kramgasse họ không nhìn nó, cũng không nghe tiếng chuông khi gửi bưu kiện ở Postgasse hay lượn qua lượn lại giữa những bụi hoa trong Vườn Hồng. Cổ tay họ đeo đồng hồ đầy nhưng chỉ là thứ trang sức hoặc để làm vui lòng kẻ đã tặng họ. Còn ở nhà họ không có đồng hồ. Thay vào đó họ nghe nhịp đập của trái tim mình. Họ cảm nhận được nhịp độ vui buồn và thèm muốn của mình. Những người như vậy ăn khi họ đói, đi làm ở hiệu bán quần áo khi họ thức dậy, giờ nào cũng lên giường với người tình được. Những người như thế cười nhạo cái ý tưởng có thời gian cơ học. Họ biết rằng thời gian tiến tới tiến lui theo lối giật cục. Họ biết rằng phải chiến đấu để tiến lên trước với gánh nặng trên lưng, khi phải hối hả đưa đứa con bị thương vào bệnh viện hay phải chịu đựng cái nhìn chòng chọc của người hàng xóm đang bức bối, vì mình đã không nên không phải. Họ cũng biết rằng thời gian vẫn lặng lẽ trôi khi ta đang ngồi ăn một món ngon với bạn bè, khi được tán dương hay khi kín đáo nằm trong vòng tay người ta yêu.

Lại có những người cho rằng cơ thể mình không hiện hữu. Họ sống theo thời gian cơ học. Sáng sáng họ dậy lúc bảy giờ. Mười hai giờ họ ăn trưa, sáu giờ chiều ăn tối. Khi có hẹn, họ tới đúng từng phút. Khoảng thời gian giữa tám và mười giờ tối dành cho ái ân. Họ làm việc bốn mươi giờ mỗi tuần, Chủ nhật đọc báo ra ngày chủ nhật, tối thứ Ba chơi cờ vua. Khi bao tử nhắc thì họ nhìn đồng hồ xem đến giờ ăn chưa. Khi thấy chán buổi hòa nhạc họ nhìn đồng hồ phía trên sân khấu xem lúc nào về nhà được. Họ biết rằng cơ thể chẳng phải là cái gì tuyệt vời cả mà chỉ là sự kết tụ của những hóa chất, những mô và xung thần kinh. Tư tưởng không là gì khác hơn

những làn sóng điện trong não bộ. Dục tình không là gì khác hơn một luồng hóa chất chạy tới một chút a-xít lắg ở tiểu não. Nói gọn, cơ thể con người là một bộ máy bị chi phối bởi cùng những định luật về điện và cơ học, như một điện tử hay một chiếc đồng hồ. Thành thử người ta phải nói về cơ thể bằng thứ ngôn ngữ của vật lý. Và khi cơ thể nói thì chỉ có nghĩa là những đòn bẩy và những lực nhất định nào đó lên tiếng. Người ta ra lệnh cho cơ thể chứ không nghe lệnh nó.

Ai đi dạo dọc vào buổi tối sẽ tìm thấy bằng chứng về hai thế giới trong một thế giới. Một người chèo thuyền định vị trí của mình trong đêm tối bằng cách đếm số giây thuyền trôi trên nước. “Một giây, ba mét. Hai, sáu mét. Ba, chín mét”. Tiếng anh ta rõ ràng từng âm một cắt qua màn đêm. Dưới chân một cột đèn trên cầu Nydegg có hai anh em nhà nọ không gặp nhau đã một năm nay, đang đứng uống rượu cười đùa. Tiếng chuông trên tháp nhà thờ lớn điểm mười lần. Trong vòng vài giây, ánh đèn trong những căn hộ trên đường Schiff-laube tắt ngấm theo một phản ứng cơ học hoàn hảo, như các suy diễn trong hình học Euclid. Đôi tình nhân nằm trên bờ sông, bị tiếng chuông nhà thờ xa xa lôi dậy từ giấc ngủ phi thời gian, chậm chạp ngược nhìn lên và sửng sốt thấy rằng trời đã tối.

Tuyệt vọng ngự trị nơi hai thứ thời gian đụng phải nhau, hài lòng nơi mỗi thứ rẽ đi một ngã. Vì một luật sư, một cô y tá, một ông thợ bánh mì có thể khám phá thế giới một cách tuyệt diệu trong một thứ thời gian, nhưng không thể nào trong hai. Mỗi thời gian đều có thật, nhưng những chân lý lại chẳng giống nhau

***26 tháng Tư 1905**

Trong thế giới này, người ta nhận ra ngay rằng có điều gì đó không ổn. Dưới thung lũng và trên đồng bằng, tuyệt nhiên không thấy một ngôi nhà nào. Mọi người sống trên núi cả.

Đâu đó trong quá khứ, các nhà khoa học phát hiện rằng càng xa trung tâm trái đất thì thời gian càng trôi chậm hơn. Hiện tượng này nhỏ lắm, nhưng đo được bằng những dụng cụ cực nhạy. Khi điều này được công bố thì một số người muốn được trẻ lâu dọn lên núi ở. Từ đó tới nay nhà chỉ còn được xây trên đỉnh Dom, Matterhorn, Monte Róa và những chỗ cao khác. Nhà xây nơi nào khác không bán cho ai được.

Nhiều người còn chưa chịu hài lòng với căn hộ trên núi của mình. Để đạt hiệu quả cao nhất họ xây thêm trên cọc nữa. Các đỉnh núi trên khắp thế giới này toàn nhà là nhà, trông từ xa cứ như một đàn chim béo mập đậu trên hai cái cẳng dài, tong teo. Những kẻ coi trọng chuyện sống lâu hơn cả cư ngụ trong các ngôi nhà dựng trên những cái cọc cao nhất. Có những căn nhà cọc gỗ nhô lên tới tám trăm mét. Độ cao trở thành biểu tượng cho địa vị. Ai phải ngược lên từ cửa sổ bếp nhà mình mới thấy được láng giềng ắt cho rằng các khớp xương của láng giềng không bị cứng sớm như mình, hẳn cũng lâu rụng tóc, lâu nhăn hơn và không sớm mất đi hứng thú ái ân. Ngược lại, nếu nhìn xuống mà thấy nhà khác thì liền cho rằng người ở trong nhà nọ kiệt sức, yếu đuối và cạnh thi. Lắm kẻ khoe khoang cả đời ở tuốt trên cao, sinh ra trong ngôi nhà cao nhất dựng trên ngọn núi cao nhất và chưa hề xuống phía dưới bao giờ. Họ tản bộ giữa những tấm gương, say mê chiêm ngưỡng vẻ thanh xuân của mình và trần truồng đi dạo trên ban công.

Tuy nhiên đôi khi có việc gấp buộc họ phải rời nhà đi xuống dưới. Lúc ấy họ học tốc tuốt xuống cái cầu thang cao ghê, tới chân cầu thang họ chạy vội tới một cầu thang khác hay xuống một thung lũng dưới thấp nữa, giải quyết công chuyện rồi hồi hả trở lên nhà hay một chỗ nào khác trên cao. Họ biết rằng cùng với mỗi bước xuống phía dưới, thời gian sẽ trôi đi nhanh hơn một ít và bản thân họ sẽ chóng già hơn đôi chút. Dưới mặt đất chẳng bao giờ thấy ai ngồi cả: dưới

đó ta chỉ gặp người người đang tất tả chạy, tay ôm cặp hồ sơ hay giỏ đi chợ mà thôi.

Ở mỗi thành phố đều có một nhóm nhỏ dân cư chẳng quan tâm gì đến chuyện già nhanh hơn hàng xóm của họ mất vài giây. Những kẻ liêu lĩnh này phát phơ cả ngày ở thế giới bên dưới, đi lòng vòng quanh những gốc cây mọc trong những thung lũng, thông dong bơi lội trong các ao hồ ở các vùng ẩm áp và nằm lăn lộn trên đất bằng. Họ chẳng hề ngó đồng hồ và không biết được ngày hôm ấy là thứ Hai hay thứ Năm. Nếu những kẻ hời kia chạy qua buông lời giễu cợt thì họ chỉ mỉm cười.

Theo thời gian, con người ta quên mất lí do tại sao ở cao hơn lại được coi là tốt hơn. Tuy nhiên họ vẫn tiếp tục sống trên núi, tiếp tục tránh xa miền dưới, tiếp tục để lũ con phải tránh xa đám trẻ ở phía dưới. Họ quen chịu đựng cái lạnh miền núi và coi những điều không mấy dễ chịu do giá rét gây ra như một phần của sự giáo dục hay họ họ được hấp thụ. Thậm chí họ còn tự huyễn hoặc rằng không khí loãng tốt cho cơ thể. Theo lô-gích này, họ ăn uống kiêng khem và chịu dùng những thứ thực phẩm thanh đạm nhất. Cuối cùng, họ gầy trơ xương như que củi và già đi trước tuổi.

***28 tháng Tư 1905**

Dù đi tới đâu, dọc theo phố phường hay đường trò chuyện với một người bạn, vào trong một tòa nhà hay đi lòng vòng dưới vòng cung bằng sa thạch của một con đường mái vòm cổ kính, bạn cũng gặp một dụng cụ đo thời gian nào đó: tháp đồng hồ, đồng hồ đeo tay, chuông nhà thờ. Chúng chia năm thành tháng, tháng thành ngày, ngày thành giờ, giờ thành giây và một mảnh nhỏ thời gian này tiếp sau mảnh thời gian kia, trong một sự tiếp nối hoàn hảo. Độc lập với mọi cái đồng hồ, một khung thời gian mênh mông trải khắp vũ trụ, quy định định luật thời gian đều khắp cho tất cả. Một giây trong thế giờ này là một giây. Thời gian nhích tới trước vô cùng đều đặn, với cùng một tốc độ thật chính xác tại mỗi góc ngách của vũ trụ này. Thời gian là một cái thước vô hạn. Thời gian là tuyệt đối.

Cứ xế trưa dân chúng thủ đô Berne đổ về đầu phía Tây của Kramgasse. Ở đây, vào lúc ba giờ kém bốn phút, ngọn tháp Zytglogge sẽ bày tỏ lòng tôn kính thời gian. Tuốt trên cao, mặt ngoài tháp là tượng những anh hề nhảy múa, những con gà trống vươn cổ gáy, những con gấu thối sáo hoặc đánh trống, những cử động và âm thanh cơ học đó được đồng bộ hóa thật chính xác qua sự quay của cái bánh răng, được gọi hứng từ sự toàn hảo của thời gian. Đúng ba giờ ba tiếng chuông thật dữ dội vang lên, người ta chỉnh đồng hồ theo, rồi sau đó trở về văn phòng trên Speichergasse hay các cửa hàng trên Kramgasse hoặc về những nông trại bên kia sông Aare.

Giáo sên thì cho thời gian là bằng chứng về Thượng đế. Vì hiển nhiên không thể có gì toàn hảo mà không được tạo ra bởi Đấng Tạo hóa. Không có gì thuộc về vũ trụ mà lại không xuất phát từ Thượng đế. Mọi tuyệt đối đều là bộ phận của cái Tuyệt đối Duy nhất và nơi đâu có tuyệt đối nơi đó có thời gian. Chính vì thế mà các triết gia về đạo đức học đặt thời gian vào điểm trung tâm niềm tin của họ. Thời gian là chuẩn mực đo mọi hành động. Thời gian là sự trong sáng, nhờ nó mà ta có thể nhận ra được lẽ đúng sai, phải trái.

Tại một hiệu giặt ủi trên Amthausgasse có một người đàn bà đang nói chuyện với bà bạn. Bà mới vừa mất việc. Bà vốn là nhân viên Quốc hội Thụy Sĩ suốt hai mươi năm, đã ghi biên bản các buổi

thảo luận. Bà đã nuôi cả gia đình. Bây giờ bị sa thải, trong khi bà còn một đứa con gái đang đi học và một ông chồng mỗi sáng ngồi suốt hai giờ trong phòng vệ sinh. Sáng nay, sếp của bà- một mụ mồm miệng quái đản- vào gặp, bảo bà rằng ngày mai phải thu dọn sạch bàn giấy. Ban bà trong tiệm giặt lặng lẽ nghe, gấp gọn gàng tấm khăn bàn mới mua, nhìn cái áo sỏ lông của bà bạn mới vừa mất việc. Hai bà hẹn nhau uống trà lúc mười giờ sáng mai. Mười giờ. Nghĩa là mười bảy tiếng năm mươi ba phút kể từ lúc này. Người đàn bà vừa mất việc mỉm cười lần đầu tiên từ mấy ngày nay. Bà hình dung đến cái đồng hồ treo tường trong phòng bếp, nó sẽ chỉ - qua tiếng tích tắc – từng giây trôi qua từ lúc này đến mười giờ sáng hôm sau, không gián đoạn chẳng cần phải hỏi ý kiến ai. Và một cái đồng hồ tương tự ở nhà bà bạn. Mười giờ kém hai mươi sáng mai bà sẽ đội khăn, đeo găng, mặc măng-tô đi xuống đường Schiff-laube, qua khỏi cây cầu Nydegg tới tiệm trà trên Postgasse. Bên kia thành phố, mười giờ kém mười lăm bà bạn sẽ rời nhà trên Zeughausgasse để tới chỗ hẹn. Họ sẽ gặp nhau lúc mười giờ. Lúc mười giờ họ sẽ gặp nhau.

Một thế giờ mà trong đó thời gian là tuyệt đối là một thế giới của niềm an ủi. Bởi trong khi sự vận động của con người không thể lường được thì sự vận động của thời gian lại lường được. Trong lúc ta thể nghỉ ngơi con người thì lại không thể nghỉ ngơi thời gian. Trong lúc con người vui đầu suy tính thì thời gian cứ nhảy về phía trước không hề ngoái lại. Trong các quán cà phê, những công thự của chính phủ và trên những con thuyền trên hồ Genève, người ta nhìn đồng hồ đeo tay, tìm sự an trú nơi thời gian. Ai cũng biết ở đâu đó đã ghi lại cái khoảnh khắc mình được sinh ra, cái khoảnh khắc chập chững bước đầu tiên trong đời, cái khoảnh khắc của mối tình đầu nồng cháy, cái khoảnh khắc vĩnh biệt mẹ cha.

***3 tháng Năm 1905**

Chúng ta hãy xét một thể giới trong đó nguyên nhân và kết quả đều khôn lường. Khi thì cái thứ nhất có trước cái thứ hai, khi thì cái thứ hai có trước cái thứ nhất. Hoặc nguyên nhân có thể vĩnh viễn nằm trong quá khứ, còn kết quả lại nằm trong tương lai, nhưng tương lai và quá khứ lại quấn chặt lấy nhau.

Từ sân Quốc hội người ta nhìn thấy một khung cảnh tuyệt vời: phía dưới là sông Aare, phía trên là núi Alps đoạn chạy qua Berne. Chính lúc này đây một người đàn ông đang đứng ở đó, hần lơ đang móc hết mọi thứ trong túi ra và khóc. Bạn bè đã bỏ hần vô cớ. Không ai đến thăm, không còn ai tới quán cùng ăn tối uống bia, không ai mời hần về nhà nữa. Suốt hai mươi năm hần là người bạn hoàn hảo, hào hiệp, vui vẻ, dễ thương với bạn bè. Chuyện gì đã xảy ra? Một tuần sau đó người đàn ông bắt đầu làm nhiều trò lảm cẩm ở cái sân nọ. Hần khiến mọi người bức mình, áo quần hôi rình, bần xỉn, không cho ai vào căn hộ của hần ở Laupenstrasse. Đây là nguyên nhân và đây là kết quả, đây là tương lai và đây là quá khứ?

Hội đồng thành phố Zürich, vừa mới thông qua những đạo luật khắt khe. Không được phép bán súng lục cho dân thường nữa. Các ngân hàng và thương xá phải đặt dưới sự giám sát của cơ quan kiểm toán. Mọi du khách tới Zürich, dù bằng thuyền trên sông Limmat hay bằng xe lửa trên tuyến Selnau, đều bị khám xem có hàng lậu không. Số dân vệ tăng gấp đôi. Một tháng sau ngày thông qua đạo luật, những tội các tày trời nhất trong lịch sử thành phố đã chia năm xẻ bảy Zürich. Giết người giữa ban ngày ban mặt trên quảng trường Wein, những bức tranh quý trong nhà trưng bày tranh bị mất trộm, người ta uống rượu trong nhà thờ. Phải chăng những hành vi phạm pháp trên đã xảy ra không đúng về thời gian? Hay có lẽ những đạo luật mới lại là thúc đẩy mọi chuyện này hơn là ngăn chặn?

Cạnh một vòi nước trong vườn Bách thảo có một thiếu phụ đang ngồi. Chủ nhật nào nàng cũng đến đây thưởng thức hương thơm của loài violet tím trắng, của hoa hồng xạ hương và đinh hương hồng nhạt. Tim nàng chột rợn lên, má ửng hồng, nàng bồn chồn đi đi

lại lại lại, thấy mình hạnh phúc thật vô cớ. Vài ngày sau nàng gặp một chàng trai và ngây ngất vì yêu. Hai sự kiện này phải chăng không hề có liên hệ? Vậy thì nó diễn ra do mối quan hệ bí ẩn nào, do sự khúc khuỷu nào của thời gian và do lô-gích đảo ngược nào?

Trong cái thế giới phi nhân quả này, các khoa học gia thật bất lực. Những điều họ tiên đoán trở thành những giải thích muộn màng. Những phương trình của họ trở thành sự biện minh, lô-gích của họ trở thành phi lô-gích. Các nhà khoa học trở nên liêu lĩnh và cầu nhàu như những con bạc không hề ngừng chơi. Các nhà khoa học là những tay hề, không phải vì họ có lí mà vì vũ trụ phi lí. Mà cũng có thể không phải bởi vũ trụ phi lí, mà bởi vì họ có lí. Ai quả quyết được điều này trong một thế giới phi nhân quả?

Trong cái thế giới này, các nghệ sĩ sung sướng. Tranh, nhạc, tiểu thuyết của họ sống nhờ những điều không tiên đoán được. Họ miệt mài thụ hưởng trong những sự kiện không ai có thể tiên đoán, trong những điều đã diễn ra, không ai cắt nghĩa được.

Phần lớn người ta đã học sống trong khoảnh khắc hiện tại. Họ bảo rằng nếu tác động của quá khứ lên hiện tại không chắc chắn thì cần chi biết kỹ về quá khứ. Còn nếu hiện tại chẳng ảnh hưởng đến tương lai thì cần gì phải biết về những hậu quả tương lai của những hành động hiện tại. Đúng hơn thì mỗi hành động đều là một hòn đảo trong thời gian và phải được phán xử độc lập. Một ông chủ đang hấp hối được gia quyến an ủi không phải vì họ nhắm vào di sản của ông mà bởi tình thương trong giây phút đó. Người làm công được tuyển không phải bởi lí lịch mà là cảm tình người ta dành cho anh lúc phỏng vấn. Cấp dưới bị cấp trên xử tệ sẽ chống trả mọi xúc phạm mà không lo lắng gì về tương lai. Đó là một thế giới tự phát. Một thế giới ngay thật. Đó là một thế giới, trong đó mỗi lời nói ra chỉ có giá trị trong khoảnh khắc đó, mỗi cái nhìn nhau chỉ có một ý nghĩa, mỗi gần gũi đều không có quá khứ lẫn tương lai, mỗi nụ hôn chỉ sinh ra vào giây phút ấy.

***4 tháng Năm 1905**

Buổi tối hôm ấy có hai cặp vợ chồng-một cặp người Thụy Sĩ, cặp kia người Anh- ngồi ở cái bàn thường dành cho họ trong phòng ăn khác sạn San Muezan ở St.Moritz. Hàng năm họ vẫn gặp nhau ở đây vào tháng Sáu để vun xới mối giao tình và để nghỉ ngơi. Hai ông mang cravat đen trông rất bệ vệ, còn hai bà thì duyên dáng trong dạ phục. Người bồi bước trên sàn lát gỗ bóng nhoáng tới nghe những món khách gọi.

“Tôi nghĩ rằng ngày mai trời sẽ đẹp đấy”, bà khách có miếng lụa thêu kim tuyến trên mái tóc nói. “Thế thì tuyệt”, những người kia gật đầu nói. “Một nơi nghỉ mát thế này sẽ thú vị hơn nhiều nếu trời đẹp, tuy nói đúng ra thì cũng chẳng quan trọng mấy”.

“Ở Dublin con Running Lightly được cá một ăn bốn”, viên đô đốc nói. “Nếu có tiền tôi sẽ đặt cho nó”, ông ta nháy mắt với bà vợ.

“Nếu ông chơi thì tôi sẽ trả ông một ăn năm”, ông nọ nói.

Hai người đàn bà xẻ bánh mì, phết bơ rồi gượng nhẹ đặt dao xuống cạnh đĩa bơ của mình, còn hai người đàn ông nhìn như bị thôi miên vào cửa ra vào.

“Tôi thấy họ gấp cái đầu khăn ăn mới khéo làm sao”, bà khách có miếng lụa thêu kim tuyến nói. Bà cầm tấm khăn ăn của mình, mở ra rồi xếp lại.

“Josephine, năm nào chị cũng nói thế cả”, bà kia mỉm cười nói.

Đồ ăn được bưng ra. Tối nay có món tôm hùm kiểu Bordeaux, măng tây, thịt bò chiên và vang trắng.

“Món của mình được không?” bà khách có miếng lụa thêu kim tuyến trên mái tóc quay sang hỏi ông chồng.

“Tuyệt. Còn của mình thì sao?”

“Gia vị hơi kém. Như tuần vừa rồi”.

“Thế món thịt bò của đô đốc thì sao?”

“Tôi chưa bao giờ chê món thịt bò”, viên đô đốc hài lòng đáp.

“Không ai thấy là ông thích chén đấy cả”, ông kia nói. “Từ năm ngoái đến nay ông không thêm một kí lô nào. Cả mười năm rồi ấy

chứ”.

“Hắn ông không nhận ra đấy thôi, chứ còn bà này thì chắc chắn rồi”, viên đô đốc nháy mắt nhìn bà vợ.

“Có thể tôi nhầm nhưng tôi có cảm tưởng là năm nay căn phòng có hút gió hơn”, bà vợ viên đô đốc nói. Những người kia gật đầu trong lúc tiếp tục ăn tôm hùm và thịt bò. “Tôi thích nhất là ngủ trong một căn phòng mát mẻ, nhưng nếu hút gió thì sáng ra lại bị ho.”

” Thì chị trùm kín đầu lại”, bà kia nói.

Bà vợ viên đô đốc đáp: “Phải đấy”, song có vẻ bối rối.

“Khi chị trùm kín đầu thì gió hút chẳng nhầm nhò gì”, bà kia nói tiếp. “Ở Grindelwald tôi đều ngủ như thế. Ở đây cửa sổ sát ngay cạnh giường. Kéo chăn che kín mũi rồi thì tôi cứ để cửa sổ mở. Chăn cản khí lạnh lại”.

Bà khách có miếng lụa thêu kim tuyến nhúc nhích trên ghế, bỏ cái chân đang vắt chéo xuống.

Cà phê được bưng ra. Hai người đàn ông rút vào phòng hút thuốc, còn hai bà ra ngồi ghế xích đu ngoài sân.

“Chuyện làm ăn năm qua như thế nào?” viên đô đốc hỏi.

“Chẳng có gì để phàn nàn”, ông kia đáp rồi hớp một ngụm rượu.

“Còn các cháu?”

“Thêm một tuổi”.

Ngoài sân hai bà ngồi đung đưa trên ghế xích đu, mắt nhìn vào bóng đêm.

Trong mỗi khách sạn, mỗi ngôi nhà, mỗi thành phố cũng đều y như thế. Vì trên thế giới này tuy thời gian qua đi nhưng chẳng xảy ra chuyện gì cả. Năm này qua năm khác chẳng xảy ra chuyện gì thì tháng này qua chẳng khác, ngày này qua ngày khác cũng đều như thế. Nếu thời gian và sự việc là một thì thời gian không hề chuyển dịch. Nếu thời gian và sự việc không là một thì chỉ có con người là không hề chuyển dịch. Nếu một người trong thế giới này không có hoài bão thì y sẽ đau khổ mà không biết, còn nếu có hoài bão thì y biết rằng mình đau khổ, song rất từ từ.

***Màn xen kẽ**

Chiều hôm ấy Einstein và Besso chậm rãi đi dọc Speichergasse. Lúc này thường rất yên ắng. Các chủ tiệm kéo tấm bạt che lên, bày xe đạp ra trước cửa hiệu. Từ một khung cửa sổ trên tầng hai một bà mẹ gọi con gái, rằng đã đến lúc cô phải về thôi để còn chuẩn bị bữa ăn chiều.

Einstein giải thích cho Besso hiểu vì sao anh muốn biết thời gian là gì. Nhưng anh không dă động gì tới những giấc mơ của mình. Chỉ lát nữa thôi họ sẽ về nhà Besso. Đôi khi anh ở lại ăn tối khiến Mileva, vợ anh, phải bồng con đi tìm. Chuyện này thường xảy ra khi Einstein say sưa, như hiện giờ, với một đề tài mới. Suốt bữa ăn chiều anh ngồi rung đùi dưới bàn. Einstein không thuộc hạng khéo cư xử.

Anh cúi sang nói với anh chàng Besso vốn cũng nhỏ người: “Tôi muốn hiểu về thời gian, để được gần “Ông già” hơn”.

Besso gật đầu tán thành. Nhưng anh thấy có vấn đề. Anh chỉ ra trước hết có lẽ “Ông già” chẳng thích gì việc gần gũi với đám tạo vật của mình, dù chúng có lý trí hay không. Hai nữa là không rõ việc “hiểu” có đồng nghĩa với “gần” chẳng. Ngoài ra có thể cái đề tài về thời gian mà Einstein đang theo đuổi này là quá to tát đối với một anh chàng hai mươi sáu tuổi.

Mặt khác Besso nghĩ rằng chẳng có chuyện gì bạn mình làm không nổi. Năm nay bạn anh không những đã hoàn thành luận án tiến sĩ mà còn viết xong một bài về quang tử và một bài nữa về chuyển động Brown. Đề tài của bạn anh bắt đầu bằng việc nghiên cứu về điện và từ tính mà một ngày nọ Einstein đột nhiên tuyên bố là cần một sự quan niệm lại về thời gian. Tham vọng của Einstein đã gây một ấn tượng sâu đậm nơi Besso.

Besso để mặc Einstein đắm chìm trong suy nghĩ của mình. Anh tự hỏi chiều nay Anna nấu món gì, rồi nhìn qua một đường nhánh xuống sông Aare; một con thuyền màu bạc lấp lánh trong ánh mặt trời đang xuống. Tiếng chân của hai chàng trai vang trên mặt đường đá. Họ quen nhau từ thời sinh viên ở Zürich.

“Ông anh tớ ở Rome vừa mới gửi thư”, Besso nói. “Ông sẽ đến chơi khoảng một tháng. Anna mến ông ấy vì ông thường khen cô nàng có vóc dáng đẹp”. Einstein lơ đãng mỉm cười. “Trong khi ông ấy còn ở chơi thì tớ không thể gặp cậu sau khi tan sở được. Cậu hiểu chứ?”

“Gì cơ?” Einstein hỏi lại.

“Khi anh tớ còn ở chơi thì tớ không gặp cậu thường xuyên được”, Besso nhắc lại. “Mong là cậu không phiền trách”.

“Dĩ nhiên là không rồi”, Einstein nói. “Cậu đừng bận tâm. Mình lo được mà”.

Từ ngày biết nhau tới giờ, Besso luôn thấy Einstein tự xoay sở được. Thời niên thiếu bố mẹ bạn anh thường xuyên chuyển chỗ ở. Cũng lấy vợ như Besso nhưng bạn anh chẳng đi ra phố với vợ bao giờ. Còn ở nhà thì thường giữa nửa đêm bạn anh vẫn rón rén tới chỗ ngủ cạnh Mileva, vào bếp viết những trang giấy đầy phương trình để hôm sau đưa cho Besso xem ở văn phòng. Besso tò mò ngấm nhìn bạn. Anh thấy một Einstein, một người ẩn cư, một người hướng nội đến thế, nổi khao khát được gần gũi này là điều rất lạ.

***8 tháng Năm 1905**

Thế giới sẽ chấm dứt tồn tại ngày 26 tháng Chín 1907. Ai cũng biết cả.

Ở Berne cũng như mọi thành phố lớn nhỏ khác: một năm trước ngày tận thế các trường học đều đóng cửa. Tương lai chỉ còn ngăn ngủi như thế thì học cho tương lai làm gì nữa? Đám trẻ, khoái tử vì được tự do mãi mãi, tha hồ chơi trốn tìm dưới các khung vòm trên Kramgasse, chạy nhong dọc Aarstrasse, ném đá lia thia hay vung tiền mua kẹo the, kẹo cam thảo. Bố mẹ chúng để mặc chúng muốn làm gì tùy thích.

Một tháng trước ngày tận thế các cửa hàng đóng cửa. Quốc hội đình chỉ họp. Tòa nhà Bưu điện Viễn thông Liên bang trên Speichergasse vắng như chùa bà đanh. Nhà máy đồng hồ trên Laupenstrasse, nhà máy xay xát bên kia cầu Nydegg cũng đều thế cả. Buôn bán, sản xuất làm gì khi thời gian còn lại ngăn ngủi đến thế?

Trong những quán cà phê ngoài trời ở Amthausgasse người ta ngồi uống cà phê và trò chuyện thoải mái về đời mình. Bàng bạc một chút tự do. Như lúc này đây một cô gái mắt nâu nói với bà mẹ rằng hồi cô còn bé và bà mẹ làm thợ may thì họ có quá ít thì giờ dành cho nhau. Hai mẹ con định đi Luzern chơi một chuyến ngắn ngày. Trong thời gian ngăn ngủi còn lại hai mẹ con sẽ sống trọn vẹn hai cuộc đời. Ở bàn khác một ông nọ kể cho người bạn nghe về tay sếp đáng căm ghét; sau khi tan sở y đã bậy bạ với vợ ông trong quầy treo áo mũ của sở, lại còn dọa đuổi ông, nếu ông hay bà vợ làm khó dễ y. Nhưng bây giờ thì ông còn sợ gì nữa chứ? Ông đã trả đũa y và làm hòa với vợ. Hoàn toàn nhẹ nhõm, ông duỗi dài chân, đưa mắt ngắm nhìn rặng Alps.

Trong lò bánh mì trên Marktgasse, ông chủ lò vừa hát vừa dùng những ngón tay chuối mẩn đầy bột vào lò. Dạo gần đây người ta lịch sự hơn hẳn trước khi đặt bánh mì. Họ mỉm cười trả tiền ngay vì tiền đang mất giá. Họ kể lể về chuyến đi picnic ở Fribourg, về chuyện của lũ con mà họ thú vị chăm chú nghe, về những chuyến đi dạo lâu ban chiều. Ý chừng họ chẳng mấy may bận tâm về việc thế giới sắp

đến ngày tàn, vì số phận này chẳng phải của riêng ai. Một thế giới chỉ còn tồn tại có một tháng nữa thôi là một thế giới bình đẳng.

Một ngày trước tận thế phố xá đầy người cười nói. Những người vốn là hàng xóm của nhau mà trước đây chẳng hề chuyện trò nay chào hỏi nhau như bè bạn; họ cởi bỏ áo quần, vào tắm trong các hồ nước công cộng. Người khác nhảy xuống sông Aare. Sau khi bơi lội đến mệt phờ, họ lên nằm trên bãi cỏ rậm bên bờ sông đọc thơ. Một ông luật sư và một nữ nhân viên bưu điện chưa từng quen biết nhau nay vai sát vai đi trong vườn Bách thảo, mỉm cười ngắm hoa tím núi Alps, ngắm cúc tây và thảo luận về nghệ thuật và màu sắc. Vị trí xã hội của họ còn quan trọng gì nữa? Trong một thế giới chỉ còn có một ngày nữa tồn tại thì ai chẳng như ai.

Trong bóng tối một con hẻm trên Aarbergerstrasse một cặp trai gái đứng tựa vào tường, uống bia với thịt xông khói. Rồi nàng sẽ kéo hắn về nhà. Nàng đã có chồng, nhưng nhiều năm nay nàng mê đắm anh chàng này; vào cái ngày tàn này của thế giới nàng sẽ được thỏa mãn.

Một ít người chạy đôn chạy đáo trên đường phố, làm việc thiện hầu chuộc lại những hành động xấu xa ngày trước. Họ là những kẻ duy nhất cười gượng gạo.

Một phút trước khi thế giới tận thế, mọi người tụ tập trên khu đất của Viện Bảo tàng Mỹ thuật. Tất cả - đàn ông, đàn bà, trẻ con – nắm tay nhau thành một vòng tròn khổng lồ. Không ai nhúc nhích. Không ai nói một lời. Hoàn toàn yên ắng đến nỗi ai cũng nghe được nhịp tim của hai người đứng bên phải và trái của mình. Đây là phút cuối cùng của thế giới. Trong sự yên tĩnh tuyệt đối của khu vườn, một đóa long đorm xanh được ánh sáng chiếu vào từ bên dưới, nở bừng một thoáng để rồi tàn ngay theo đám hoa kia. Những chiếc lá hình kim của một cây thông phía sau Viện Bảo tàng khẽ rung khi một làn gió nhẹ thoáng qua. Xa xa, sau cánh rừng, dòng Aare loáng ánh mặt trời, làn da của nó gợn theo từng con sóng. Phía Đông, ngọn tháp giáo đường chính đỏ và mỏng manh chĩa thẳng lên bầu trời, những người thợ đục đá đã đeo cho nó cái dáng mỏng mảnh như gân lá. Cao hơn nữa là rặng Alps với những đỉnh phủ kín tuyết, nơi mà hai sắc trắng và đỏ rực rộng lớn lặn lẫn quyện vào nhau. Một áng mây

lơ lửng giữa khung trời. Một con chim sẻ vỗ cánh. Không một ai lên tiếng.

Vào giây cuối cùng thì như thể mọi người nắm tay nhau, cùng nhảy từ đỉnh Topaz xuống. Mặt đất gần lại và tận thế cũng gần lại theo. Khí lạnh ù ù thổi qua, thân thể không còn trọng lượng. Hàng dặm dài chân trời tĩnh lặng rộng mở. Từ phía dưới, mặt tuyết mênh mông ào ạt chạy ngược lên để ôm kín cái vòng tròn đỏ hồng của sự sống.

***10 tháng Năm 1905**

Bảy giờ là cuối buổi chiều. Trong một khoảnh khắc, vầng dương áp mặt vào một khe núi phủ tuyết của rặng Alps. Lửa mơn man băng tuyết. Nhưng tia nắng xiên xiên chuyển mình từ núi qua một mặt hồ hiền hòa, rải bong chiều lên một thành phố trong thung lung.

Dưới góc độ nào đấy thì đây là một thành phố như được đồ khuôn. Ở hai hướng Bắc và Tây, các loại thông, tùng và bách hình thành một vùng chuyển tiếp nhẹ nhàng, trong khi lên cao phía trên có hoa huệ lửa, hoa long đởm và các thứ hoa kèn. Trên những cánh đồng gần thành phố có đàn bò đứng gặm cỏ, từ sữa bò người ta làm ra bơ, phomat và sôcôla. Một nhà máy dệt loại nhỏ sản xuất tơ lụa, vải vóc. Có tiếng chuông nhà thờ đổ. Mùi thịt xông khói thơm lừng khắp mọi đường mọi ngõ.

Nhìn kĩ hơn thì thành phố này gồm nhiều khu hợp lại. Một khu sống trong thế kỉ 15. Những tầng của các ngôi nhà dựng bằng đá không đẽo gọt được nối với nhau bằng cầu thang và hành lang nằm phía ngoài, gió thổi qua những đầu hồi thông thoáng. Rêu mọc đầy giữa những tấm đá phiến lợp nhà. Một khu khác cho thấy hình ảnh cả thế kỉ 18. Những viên ngói đỏ au chồng mọc lên nhau trên những mái nhà thẳng hàng như kẻ chỉ. Một ngôi nhà thờ với cửa sổ hình bầu dục, tầng trên có hành lang và lan can bằng đá granit. Một khu nữa của thời hiện tại, với những đại lộ hai bên có lối đi mái vòm cho khách bộ hành, những ban công với chấn song sắt và những mặt tiền nhà bằng sa thạch nhẵn láng. Mỗi khu gắn với một thời khác nhau.

Vào buổi chiều này, trong những giây phút ngắn ngủi mặt trời nép mình vào cái hẻm núi trên rặng Alps thì có thể có ai đó đang ngồi trên bờ hồ ngẫm nghĩ về kết cấu bề ngoài của thời gian. Về lí thuyết thời gian có thể trơn láng hay nhám, có gai hay mượt, cứng hay mềm, nhưng trong thế giới này ngẫu nhiên mà thời gian lại có cấu trúc bề ngoài dính nhem nhóp. Có những khu phố dính liền với một thời điểm lịch sử, không thoát ra được nữa. Cũng có đôi ba người dừng lại ở một góc trong đời và không lìa bỏ được.

Ngay lúc này đây, tại một trong những ngôi nhà dưới chân núi, có một ông đang nói chuyện với người bạn về thời ông học trung học. Trên tường treo đầy bằng khen xuất sắc về các môn toán và lịch sử, còn trên kệ sách đầy những huy chương và cúp thể thao. Còn đây, trên bàn này là tấm hình chụp ông hồi là đội trưởng đội đánh kiếm, chung quanh là những thanh niên bạn ông, giờ đã tốt nghiệp đại học thành kĩ sư, thương gia và lập gia đình cả rồi. Đấy, trong cái tủ áo kia, là những món trang bị của ông thời hai mươi năm trước: áo khoác chèn của người đánh kiếm, quần vải tuyết nay đã chật rồi. Bạn ông, kẻ đã bỏ công cả năm trời để giới thiệu ông với những người bạn khác, lịch sự gật đầu trong lúc âm thầm ráng tìm chút không khí để thở trong căn phòng bé tẹo này.

Tại ngôi nhà khác, có một ông ngồi một mình trước cái bàn được bày biện cho hai người. Mười năm trước ông ngồi đối diện với người cha, lúc ấy ông không nói nổi rằng mình thương cha, lúc ấy ông cố moi tìm một giây phút cha con gần gũi thời thơ ấu, nhớ lại những chiều tối cha ông, một người ít nói, ngồi một mình với quyển sách; lúc ấy ông không nói nổi rằng mình thương cha, ông không nói nổi rằng mình thương cha. Trên bàn bày hai cái đĩa, hai cái li, hai cái nĩa như ở buổi chiều tối cuối cùng ấy Ông định ăn nhưng không nuốt nổi, mà khóc nức nở. Ông chưa từng nói rằng mình thương cha.

Tại ngôi nhà khác có một bà mẹ đang âu yếm ngắm hình cậu con trai trẻ trung, mím cười tươi rói. Bà viết thư gửi cho con về một địa chỉ đã lâu không còn nữa và tưởng tượng ra những bức thư trả lời vui vẻ của con. Khi cậu con gõ cửa, bà không đáp. Khi cậu con mặt mày xị ra, mắt đờ dẫn ngược nhìn lên cửa sổ phòng bà, kêu xin tiền thì bà bưng tai làm điếc. Khi cậu con bước đi như mê muội, để lại mấy chữ nắn nỉ được gặp thì bà quẳng thư đi, không đọc. Tối tối, khi cậu con đứng trước cửa nhà bà thì bà đi ngủ sớm. Sáng ra bà ngắm nhìn ảnh con rồi viết những bức thư đáng kinh ngạc gửi về một địa chỉ đã không còn nữa.

Một cô gái lỡ thì nhìn thấy trong tấm gương phòng ngủ, trên trần lò bánh mì, trên mặt hồ và trên bầu trời gương mặt một chàng trai đã một thời yêu cô.

Thảm kịch của thế giới này là không ai hạnh phúc, bất kể người ấy có rơi vào khoảnh khắc khổ đau hay sung sướng. Thảm kịch của thế giới này là mỗi người đều cô đơn. Bởi một cuộc sống trong quá khứ không thể có phần trong hiện tại. Ai mắc kẹt trong dòng chảy thời gian thì sẽ mắc kẹt trong cô đơn.

***11 tháng Năm 1905**

Tản bộ qua Marktgasse ta sẽ thấy một cảnh tượng lạ kỳ. Những trái anh đào nằm thẳng thớm trong các hiệu trái cây, những cái mũ chồng lên nhau ngay ngắn trong tiệm mũ, những chậu hoa xếp đối xứng gọn gàng trên các bao lơn, trên sàn tiệm bánh mì không vương một mẩu vụn, trên sàn phòng chứa lương thực không dính một chút sữa. Tất cả ngăn nắp, đầu vào đấy.

Khi các thực khách vui vẻ rời quán ăn thì các bàn ăn được dọn kĩ càng hơn trước. Khi một luồng gió nhẹ thổi qua đường phố thì gạch lát đường được quét sạch bong, rác vớ bụi gom sang hai bên lề đường. Khi những ngọn sóng xô lên bờ thì bờ lại tái hiện như thuở ban sơ. Khi lá lìa cành thì chúng xếp thành đội hình chữ V như bọn chim. Khi mây tạo nên những khuôn mặt thì những khuôn mặt này mãi còn đó. Khi khói từ ống lò xì vào một căn phòng thì muội khói chỉ bành bồng nơi một góc phòng thôi khiến không khí trong phòng vẫn trong lành. Những bao lơn phơi nắng gió thì màu vôi lại càng thêm bóng lộn vớ thời gian. Tiếng sấm khiến bình vỡ lại lành, những mảnh vỡ trở về chỗ cũ, gắn liền với nhau như xưa. Mùi hương một chiếc xe kéo chở quế để lại càng thêm thơm nồng với thời gian, thay vì phai nhạt.

Bạn có thấy những chuyện kia lạ lùng không?

Trong cái thế giới đó thì trình tự của thời gian gắn liền với sự tăng tiến của trật tự. Trật tự là quy luật của tự nhiên, là xu hướng phổ quát, là chiều hướng của vũ trụ. Nếu thời gian là một mũi tên thì nó hướng về phía trật tự. Tương lai nghĩa là lớp lang, tổ chức, kết hợp, tăng cường, còn quá khứ có nghĩa ngẫu nhiên, hỗn mang, tan rã và phân tán.

Các triết gia đã khẳng định rằng chỉ qua việc hướng tới trật tự mà thời gian mới thật có ý nghĩa. Bằng không thì tương lai cũng chẳng khác gì hơn những màn chọn phứa từ nghìn quyền tiểu thuyết và lịch sử thì cũng mù mờ như lớp sương mù tối tối vẫn tụ trên các ngọn cây.

Trong một thế giới như thế thì con người nằm trên giường trong những ngôi nhà không dọn dẹp của họ, chờ cho sức mạnh của thiên nhiên quét đi lớp bụi trên bề cửa sổ và xếp giày mình vào tủ cho ngăn nắp. Người không trật tự trong sinh hoạt có thể cứ đi picnic trong khi lịch sinh hoạt có thể được tự động sắp xếp, tự bố trí giờ hẹn và tự giải quyết việc chi trả qua tài khoản. Cứ việc thoải mái tống son môi, lược thư vào xách tay rồi chúng sẽ được xếp chỗ ngăn nắp đâu ra đấy. Không cần phải làm vườn, nhổ cỏ. Hết giờ làm, bàn giấy sẽ tự động dọn dẹp. Áo quần tối lăn lóc trên sàn nhà thì sáng sáng được vắt lên ghế. Những chiếc vớ lạc đâu mắt giờ tự động thò ra.

Tới thăm một thành phố vào mùa xuân người ta sẽ lại thấy một cảnh lạ lùng khác. Vào mùa xuân người ta chán ngắt việc giữ gìn trật tự ngăn nắp. Vào mùa xuân người ta cố tình bỏ mặc nhà cửa tiêu điều. Người ta quét rác vào trong nhà, phá gãy ghế, đập vỡ kính cửa sổ. Vào mùa xuân, trên Aarbergerstrasse và mỗi đường phố có dân cư đều có tiếng gọi nhau, la hét, cười nói. Vào mùa xuân, người ta gặp nhau vào những lúc không hẹn trước, đột rụi lịch sinh hoạt, ném bỏ đồng hồ, chè chén suốt đêm. Chuyện bê tha này kéo dài cho đến mùa hè, khi người ta tỉnh trí lại và quay về với trật tự.

***14 tháng Năm 1905**

Có một chốn mà nơi đó thời gian đứng yên. Ở đây hạt mưa lơ lửng trong không khí, con lắc đồng hồ chỉ lắc qua một phía, những con chó nghếch mõm sủa câm lặng, khách bộ hành đứng như chết cứng trên những con đường bụi bặm, chân co lại như bị cột dây. Trong phòng ốc lơ lửng mùi thơm ngào ngạt của chà là, xoài, ngò và hạt thì là.

Khách nhàn du đến nơi này, từ phương nào đi chẳng nữa, thì bước chân cũng đều dần chậm lại, khoảng cách giữa các nhịp tim cứ lớn dần, hơi thở chậm đi, thân nhiệt giảm, suy nghĩ chậm chạp cho đến khi tới được cái trung tâm bất động, để rồi chờ người như chết cứng. Bởi vì đây là tâm điểm, của thời gian. Từ đây truyền đi những vòng tròn đồng tâm. Ngay tại tâm điểm thì hoàn toàn tĩnh lặng, nhưng càng xa tâm điểm thì tốc độ truyền càng lớn.

Những ai hành hương tới tâm điểm thời gian mới được chứ? Đó là các ông bố bà mẹ cùng con cái và những kẻ yêu nhau.

Bởi thế ta thấy ở cái nơi thời gian đứng lặng kia các ông bố bà mẹ ôm con trong một vòng tay cứng đờ, không bao giờ dứt. Cô bé xính xắn tóc vàng sẽ không bao giờ ngưng nở nụ cười đương hiện ra trên gương mặt cô lúc này, không bao giờ mất đi sắc hồng trên đôi má, không bao giờ mỏi mệt, má không bao giờ nhăn, không bao giờ bị thương, không bao giờ quên những điều bố mẹ dạy bảo, không bao giờ biết xấu xa, không bao giờ nói với bố mẹ rằng cô không thương yêu họ, không bao giờ rời khỏi căn phòng trông ra biển, không bao giờ ngưng ôm bố mẹ như cô đang ôm bây giờ.

Ở cái nơi thời gian ngưng đọng ấy người ta thấy cả những đôi tình nhân hôn nhau dưới bóng những ngôi nhà, vòng tay ôm cứng đờ, không bao giờ dứt. Nàng hay chàng sẽ không bao giờ rút tay khỏi chỗ của nó hiện giờ, sẽ không bao giờ trả lại chiếc xuyên màng đầy kỉ niệm, sẽ không bao giờ rời khỏi người mình yêu, sẽ không bao giờ phải tự hy sinh bản thân, sẽ không bao giờ quên chứng tỏ tình yêu của mình, không bao giờ ghen tuông, sẽ không bao giờ yêu người khác, sẽ không bao giờ quên giờ phút đam mê này.

Nên biết rằng trên những pho tượng - người này chỉ có một thứ ánh sáng màu đỏ cực yếu soi rọi, vì tại tâm điểm thời gian ánh sáng yếu đi đến mức gần như không có, khi những rung động của ánh sáng bị hãm trong khe núi dài bất tận để chỉ còn là những tiếng vọng thì cường độ của nó giảm xuống bằng ánh đom đóm lấp lờ mờ nhạt.

Những người không hoàn toàn ở trong cái trung tâm bất động kia thì vẫn vận động, nhưng với tốc độ của sông băng. Một lần kéo lược chải đầu có thể dài cả năm, một nụ hôn cả nghìn năm. Để đáp lại một nụ cười thì thế giới bên ngoài đã qua được mấy mùa. Trong lúc đứa bé được dịu dàng ôm thì ngoài kia đã dựng xong mấy cây cầu. Trong lúc người ta nói lên một lời từ biệt thì ở ngoài kia có bao thành phố đã tàn lụi và rơi vào lãng quên.

Thế những kẻ từ đó quay trở ra thế giới bên ngoài thì sao? Trẻ con lớn nhanh như thổi, chúng quên đi vòng tay bố mẹ ôm kéo dài cả trăm năm mà chúng nghĩ chỉ kéo dài có vài giây. Chúng trưởng thành, sống xa bố mẹ, ở nhà riêng, học sống tự lập, đau ốm rồi già đi. Chúng trách móc bố mẹ vì cứ muốn giữ rịt chúng bên mình, chúng nguyên rủa thời gian đã làm cho chúng nhăn nheo, giọng chúng khàn.

Những kẻ yêu nhau từ trung tâm nọ trở về không gặp lại người xưa nữa. Vì trong khi họ ở tại đó thì cả cuộc đời đã qua rồi. Giờ đây họ vận động trong một thế giới mà họ không còn nhận biết được nữa. Những kẻ yêu nhau từ cái trung tâm nọ trở về tuy vẫn còn ôm nhau dưới bóng những tòa nhà, nhưng vòng tay của họ sao mà trống trải, vô tình. Họ nhanh chóng quên những lời thề thốt mất cả trăm năm mới nói xong mà họ thấy như chỉ vài giây thôi. Họ ghen tuông ngay cả với những kẻ lạ hoắc, trút lên đầu nhau những lời lẽ đầy oán hận, mất đi sự nồng nàn, họ chia tay trở nên già nua và cô đơn trong một thế giới mà họ không hiểu được.

Có người bảo rằng nên tránh xa cái tâm điểm thời gian. Cuộc sống tuy là một chuyến đi nặng trĩu nỗi buồn đầy, nhưng chịu đựng nó là cả một sự cao thượng. Người khác không đồng ý với quan niệm này. Họ thích được vĩnh viễn hài lòng hơn, cho dù sự vĩnh viễn này xơ cứng, giống như con bướm ướp khô đựng trong hộp.

***15 tháng Năm 1905**

Chúng ta hãy thử hình dung một thế giới không có thời gian. Chỉ có hình ảnh.

Một đứa bé ngồi bên bờ biển, như bị đại dương thôi miên ngay cái nhìn đầu tiên. Một thiếu phụ đứng trên bao lơn trong buổi sáng sớm, tóc xõa, bộ áo ngủ bằng lụa xộc xệch, hai bàn chân trần, môi chưa tô son. Mái vòm gần đài phun nước Zahringer trên Kramgasse, sa thạch và sắt thép. Một người đàn ông ngồi trong căn phòng làm việc tĩnh lặng, tay cầm tấm hình một người đàn bà, nét mặt ông lộ vẻ đau khổ. Một con chim ưng săn cá sải rộng cánh lượn trên bầu trời, lòng ánh lên trong nắng. Một cậu bé ngồi trong căn phòng trống vắng, tim đập như trống, chẳng khác nào cậu đang ở trên sân khấu. Những vết chân trên tuyết trên một hòn đảo vào mùa đông. Một chiếc thuyền trên sông đêm, ánh đèn mờ mờ xa xa như một ngôi sao nhỏ màu đỏ trên bầu trời đen thẫm. Một tủ thuốc gia đình được khóa lại. Một chiếc lá thu đỏ, vàng, nâu, mỏng mảnh trên mặt đất. Một thiếu phụ, ở ngay cạnh nhà ông chồng đã li dị, đứng nép trong bụi cây chờ người chồng cũ vì bà có chuyện muốn nói. Một trận mưa xuân lay phay, một lần đi dạo, lần cuối cùng đối với chàng thanh niên tại cái thành phố chàng yêu mến. Bụi bám trên bậc cửa sổ. Một quầy hàng gia vị với các màu vàng, xanh, đỏ trên Marktgasse. Ngọn Matterhorn tuyết phủ nhọn hoắt chọc lên nền trời xanh thẫm; thung lũng xanh mướt; những cái chòi trên núi. Lỗ chân kim. Hạt sương trên lá, trong vạt lấp lánh màu. Một bà mẹ nằm khóc trên giường, mùi thơm húng quế trong không khí. Một chú bé đạp xe trên đường Kleine Schanze, môi nở nụ cười sung sướng khôn tả. Một ngọn tháp cầu nguyện cao, hình bát giác, bao lơn lộ thiên, trang nghiêm với những cờ, phướn chung quanh. Hơi nước bốc lên từ bật hồ buổi sớm mai. Một ngăn kéo bàn để ngỏ. Hai người bạn trai ngồi trong quán cà phê, ánh đèn chiếu lên mặt một người, còn người kia khuất trong bóng tối. Một chú mèo rình con ruồi trên kính cửa sổ. Trong ngân hàng, một thiếu phụ trẻ đọc thư, đôi mắt xanh ứa những giọt lệ vui. Một cánh đồng rộng, bốn mặt trồng thông và tuyết tùng.

Những tia nắng chiều xiên qua cửa sổ. Một thân cây to bị đổ, rễ đâm lên trời, vỏ cây và những cành to còn xanh. Một cánh buồm trắng no gió, căng phồng như cánh một con chim trắng khổng lồ. Trong một quán ăn chỉ có ông bố và người con trai, ông bố buồn rầu dăm dăm nhìn khăn trải bàn. Một ô cửa sổ hình bầu dục trông ra bãi cỏ, một cái xe gỗ con, những con bò xanh, nâu trong nắng chiếu. Một cái chai vỡ trên sàn nhà, chất lỏng màu nâu đọng ở các kẽ, một người đàn bà mắt đỏ. Một ông lão làm bữa ăn sáng cho thằng chết, thằng bé nhìn một cái ghế già sơn trứng qua cửa sổ. Một quyển sách quăn góc bởi đọc nhiều nằm trên bàn cạnh ngọn đèn tù mù. Gió đánh tan lớp bọt trắng do sóng vỡ để lại trên mặt nước. Một thiếu phụ tóc ướt nằm trên trường kỉ, nắm tay một người đàn ông mà cô sẽ không gặp lại nữa. Một đoàn tàu với những toa màu đỏ chạy trên một cây cầu đá có những nhịp cong thanh thoát, bên dưới là dòng sông, xa xa nhà cửa như những chấm nhỏ. Những hạt bụi lơ lửng trong tia nắng xuyên qua cửa sổ. Làn da cổ mỏng đến nỗi nhìn thấy được nhịp máu đập. Một người đàn ông và một người đàn bà trần truồng ôm nhau. Bóng cây màu xanh lúc trắng tròn. Một ngọn núi cao thoải thoải mọi phía luôn phơi mình trước gió mạnh. Bánh mì bơ với thịt xông khói và phomat. Một đứa nhỏ co rúm người vì bị bố tát tai, còn ông bố nhăn nhó giận dữ vì không hiểu nỗi đứa bé. Một khuôn mặt lạ trong gương, hai bên thái dương đỏm bạc. Một thanh niên tay cầm điện thoại hốt hoảng trước cái tin mới nghe. Một tấm hình gia đình, bố mẹ còn trẻ và bình thản, những đứa con đỏm dáng, mỉm cười. Một ánh đèn nhỏ xíu tuốt đằng xa le lói qua đám cây rậm rạp. Màu đỏ khi mặt trời mọc. Một cái vỏ trứng, trắng, mỏng mảnh, còn nguyên vẹn. Một cái mũ xanh bị sóng đánh lên bờ. Những bông hồng trôi dưới chân cầu, phía sau ẩn hiện đường nét một tòa thánh. Mái tóc đỏ của người yêu, cuồng dại, buông thả, đầy hứa hẹn,. Những cánh hoa xanh của một bông huệ người thiếu nữ cầm trên tay., Một căn phòng với bốn bức tường, hai cửa sổ, hai giường, một bàn một ngọn đèn, hai con người với khuôn mặt nóng hực, những giọt lệ. Nụ hôn đầu. Những hành tinh bênh bồng trong vũ trụ, những đại dương, sự yên ắng. Một hạt sương cuộn tròn. Một chiếc cọ sơn màu vàng.

***20 tháng Năm 1905**

Cứ nhìn những quầy hàng chen chúc trên Spitalgasse là rõ. Những người mua lưỡng lự đi hết quầy này sang quầy khác để xem bán những món hàng gì. Chỗ này bán thuốc lá, thế quầy nào có hạt cải? Chỗ kia bán củ cải đường, thế chỗ nào có cá tuyết? Chỗ này có sữa dê, còn đâu có lá nguyệt quế? Họ không phải là những khách du lịch lần đầu dừng chân ở Berne. Không ai nhớ được rằng hai ngày trước đã mua sôcôla ở quầy 17 của một khách thương tên Ferdinand, hay mua thịt xông khói ở quầy “Món ngon” mang số 36 của ông Hof. Phải tìm lại món ngon của mỗi quầy. Có người cầm tấm bản đồ cái thành phố họ đã sống cả đời, họ nhờ nó dắt đường, chỉ lối từ vòm cung này sang vòm cung khác trên con đường họ đã từng đi nhiều năm ròng. Có người mang theo sổ ghi chú để lệ làng ghi lại những gì phát hiện kéo lại quên bằng mắt. Họ làm thế bởi vì trong thế giới này người ta không có trí nhớ.

Hễ tan sở, tới giờ về nhà thì ai nấy đều tìm trong sổ địa chỉ xem mình cư ngụ ở đâu. Ông hàng thịt, kể trong một ngày của đời đồ tể chỉ cắt được vài tảng thịt không thật ngon cho lắm, xác định rằng mình ngụ ở số nhà 29 Nagelgasse. Ông buôn chứng khoán, người có trí nhớ tồi đã buôn được vài vụ ngon lành, tìm thấy trong sổ địa chỉ rằng mình ngụ tại số nhà 89 Bundesgasse. Về tới nhà, mỗi ông lại tự gặp vợ và lũ con đứng đón ở cửa, ông tự giới thiệu, giúp dọn ăn, đọc cho lũ con vài câu chuyện. Tương tự như thế, mỗi bà đi làm về gặp một ông chồng, lũ con, cái trường kỉ, đèn đóm, những tấm thảm và những món hàng sứ.

Khuya đến, hai ông bà không nán lại nói về những chuyện trong ngày, chuyện học hành của con cái, chuyện tài khoản. Mà họ lại mỉm cười nhìn nhau, cảm thấy máu rần rật, thấy ngứa ngáy giữa hai đùi như khi mới quen nhau mười lăm năm trước. Họ tìm thấy đường về phòng ngủ, vấp phải những tấm ảnh gia đình mà họ không nhận ra và trải qua đêm trong hoan lạc. Bởi chỉ thói quen và hồi ức mới khiến thể xác giảm niềm khao khát. Còn không có trí nhớ thì đêm nào cũng là đêm đầu tiên, sáng nào cũng là sáng đầu tiên, nụ hôn nào, ve vuốt nào cũng là nụ hôn đầu tiên, ve vuốt đầu tiên.

Một thế giới không hồi ức là thế giới của hiện tại. Quá khứ chỉ hiện hữu trong sách vở, văn kiện, quyển sách ghi chép đời mình. Đọc nó mỗi ngày, anh ta có thể một lần nữa biết được bố mẹ là ai, dòng dõi cao sang hay kém cỏi, học hành giỏi giang hay dốt nát và trong đời đã làm nên trò trống gì. Không có quyển sách về đời mình, con người chỉ là một bức ảnh chụp trong nháy mắt, một bức ảnh hai chiều, một bóng ma. Trong những quán cà phê phủ lá cây trên đường Brunngasshalde, người ta nghe tiếng hét đau khổ của một ông vừa đọc thấy mình trước kia đã giết người, nghe tiếng thở dài của một bà phát hiện ra rằng một ông hoàng đã từng theo đuổi mình, nghe tiếng khoe khoang của một bà khác đọc thấy trong quyển sách về đời mình rằng mười năm trước bà là người đỗ hạng cao nhất của trường đại học. Khi màn đêm đổ xuống, có người ngồi ở bàn đọc quyển sách đời mình, còn người khác vội vã ghi lại những việc trong ngày lên trên những trang giấy trắng.

Theo thời gian, Quyển sách Cuộc đời dày đến nỗi người ta không thể nào đọc từ đầu đến cuối được nữa. Người ta đành phải chọn lựa. Những ông già bà cả chọn đọc, hoặc những trang đầu để biết thời trẻ mình là ai, hay phần cuối để biết sau này mình thành ai.

Có người hoàn toàn thôi không đọc nữa. Họ từ bỏ quá khứ. Họ rút ra kết luận rằng quá khứ họ giàu hay nghèo, có học hay ngu dốt, tự kiêu hay nhún nhường, si tình hay chưa hề yêu... đều không quan trọng, chỉ như làn gió nhẹ thoảng qua trên tóc mà thôi. Những người như thế nhìn thẳng vào mắt anh và cái xiết tay họ thật mạnh mẽ. Họ bước đi thoải mái như thời thanh niên. Họ đã học được cách sống trong một thế giới không hồi ức.

***22 tháng Năm 1905**

Tảng sáng. Một làn sương như màu cá hồi, được hơi thở của dòng sông thúc đẩy, bành bồng qua thành phố. Mặt trời đợi phía bên kia cầu Nydegg, phóng những cái gai đỏ trên Kramgasse, lên cái đồng hồ khổng lồ đo thời gian, soi rọi mặt dưới của các ban công. Những âm thanh buổi sáng sớm lan tỏa trên đường phố như mùi thơm bánh mì. Một đứa bé thức giấc gọi mẹ. Tám bạt che nắng khẽ kéo kẹt khi người thợ làm mũ đến cửa hiệu trên Marktgasse. Một chiếc tàu chạy bằng hơi nước rền rĩ trên sông. Dưới một mái vòm có hai thiếu phụ đang thì thào tâm sự.

Trong lúc thành phố trỗi dậy từ màn sương và bóng đêm, người ta trông thấy một cảnh tượng lạ lùng. Chỗ này, một chiếc cầu cũ mới chỉ xong phân nửa. Chỗ nọ, một ngôi nhà bị bốc khỏi móng. Chỗ này, một con đường ngoặt về hướng đông mà không rõ vì sao. Chỗ nọ, một cái trường kỉ chinh ình ngay giữa một cửa hàng thực phẩm. Những cửa sổ kính màu bên dưới của ngôi giáo đường chính tòa thể hiện những đề tài tôn giáo, còn những cửa kính phía trên lại thấy hình ảnh rặng Alps vào mùa xuân. Một người đàn ông đang mạnh bước tới trụ sở Quốc hội bỗng dừng lại, hai tay ôm đầu, kêu lên khích động rồi rào bước quay ngược lại.

Đây là một thế giới của những kế hoạch đổi thay, của những cơ hội bất chợt, của những viễn ảnh không hề chờ đợi. Vì trong thế giới đó thời gian trôi không đều đặn mà thất thường, cho nên con người có được những cái nhìn đột biến vào tương lai.

Một bà mẹ bỗng có viễn ảnh về nơi con trai mình sẽ sống nên dọn nhà đến đây để được gần con. Một nhà xây dựng thấy trong tương lai việc buôn bán sẽ tập trung ở đâu nên xây đường về hướng ấy. Một cô gái thoáng thấy mình sẽ làm người bán hoa nên quyết định không học lên đại học. Một chàng trai thấy được người vợ mình sẽ cưới nên quyết định chờ. Một luật gia thấy mình sẽ khoác áo chánh án ở Zürich nên từ chức ở Berne. Nếu biết trước tương lai thì tiếp tục hiện tại còn có gì ý nghĩa?

Với những ai thấy được viễn ảnh thì thế giới này là của thành công chắc chắn. Không một kế hoạch nào được thực thi nếu nó

không giúp thăng tiến tiền đồ, không chuyển đi nào được thực hiện nếu nó không dẫn đến thành phố của định mệnh, không tình bạn nào nảy nở nếu nó không tồn tại trong tương lai. Sẽ không một đam mê nào gặp thất bại.

Với những ai chưa có được viễn ảnh thì thế giới này là một thế giới của sự không chắc chắn đến mức người ta phải chịu thua. Làm sao có thể ghi danh ở đại học khi không biết về nghề nghiệp tương lai? Làm sao dám trao thân gửi phận cho một người đàn ông khi không chắc hẳn có chung thủy với mình? Những con người ngay dành phần lớn nhất trong ngày cho việc ngủ và ngóng chờ viễn ảnh.

Vì thế không ai dám mạo hiểm trong cái thế giới được thoáng thấy tương lai này. Ai thấy được tương lai thì chẳng cần mạo hiểm nữa, còn ai chưa biết tương lai thì cứ trông chờ viễn ảnh, mà không mạo hiểm.

Có một số người thấy được tương lai bèn làm đủ mọi cách để chối từ nó. Một người đến Neuchâtel nhận chân chăm sóc vườn tược trong viện bảo tàng sau khi thấy mình là luật sư ở Luzern. Một chàng trai cùng với ông bố thực hiện một chuyến đi sôi nổi bằng thuyền buồm sau khi viễn ảnh cho thấy chẳng bao lâu nữa ông bố sẽ mất vì bệnh tim. Một thiếu nữ sẵn sàng quan hệ tình ái với một người, dù nàng đã được thấy rằng mình sẽ lấy người khác. Những con người này đứng trên bao lơn vào lúc hừng đông, tuyên bố rằng tương lai thay đổi được rằng có thể có cả nghìn tương lai. Tuy nhiên, cuối cùng người làm vườn ở Neuchâtel chán lương ít nên thành luật sư ở Luzern. Ông bố kia chết vì bệnh tim và người con trai tự trách mình rằng đã không ép bố nằm nghỉ ngơi. Cô gái kia sẽ bị người yêu phụ rẫy, rồi cô lấy một người khác và y sẽ để mặc cô với nỗi đau khổ của mình.

Ai là người may mắn hơn trong cái thế giới của thời gian đột biến này? Những người thấy được tương lai và chỉ sống một cuộc đời? Hay những người không thấy được tương lai nên chờ để sống đời mình? Hay những người muốn chối từ tương lai nên sống cả hai cuộc đời?

***29 tháng Năm 1905**

Nếu thành linh bị tổng vào trong thế giới này thì một người đàn ông hay một người đàn bà sẽ phải né tránh nhà cửa. vì mọi thứ đều vận động. Nhà cửa, những căn hộ có gắn bánh xe sẽ lắc lư trên quảng trường trước nhà ga hay phóng những ngõ ngách của Marktgasse, trong khi những người cư trú trong nhà gọi ra ngoài qua cửa sổ trên tầng hai. Bưu điện không tọa lạc trên Postgasse nữa mà chạy ào ào trên đường ray, như xe lửa, qua thành phố. Cả tòa nhà Quốc hội cũng không còn đứng cố định trên Bundesgasse nữa. Không gian đầy tiếng động cơ gầm rú và giao thông ồn ào. Sáng ra, một người ra khỏi cửa nhà, rảo bước xuống đất chạy theo tòa nhà mà ông làm việc trong đó bàn giấy của ông chuyển động trên những đường tròn, rồi phóng về nhà khi tan sở. Không ai ngồi với một quyển sách dưới một gốc cây, không ai nhìn những con sóng trên hồ, không ai nằm trên bãi cỏ rậm ngoài trời. Không ai đứng yên.

Tại sao cứ phải chú ý đến vận tốc? Vì thời gian trong thế giới này trôi qua chậm hơn đối với những ai đang vận động. cho nên ai cũng di chuyển với vận tốc cao để tiết kiệm thời gian.

Hiệu ứng vận tốc mới chỉ được phát hiện sau khi sáng chế ra động cơ đốt trong và bắt đầu có sự giao thông nhanh lẹ. Ngày 8 tháng Chín năm 1889, ông Randolph Whig ở Surey phóng cái xe mới chở bà mẹ vợ tới Luân Đôn. Ông rất thú vị vì chỉ mất có nửa thời gian thôi, hai người mới vừa trò chuyện đầy mà thoát đã đến nơi rồi. Nên ông quyết định quan sát hiện tượng này kĩ hơn. Sau khi nghiên cứu của ông được công bố thì không còn ai đi chậm nữa cả.

Vì thời gian bây giờ là tiền bạc, nên chỉ riêng những tính toán về tài chính thôi cũng đủ khiến mỗi cơ quan môi giới, mỗi nhà máy, mỗi cửa hàng thực phẩm luôn sẵn sàng chạy cho gấp để được lợi thế hơn những kẻ cạnh tranh. Cho nên những tòa nhà này được trang bị những cỗ máy có sức mạnh khổng lồ không bao giờ ngừng nghỉ. Động cơ và trục quay của chúng gầm rú khủng khiếp hơn cả những thiết bị và con người làm việc trong những tòa nhà ấy.

Việc buôn bán nhà cửa cũng theo xu hướng như thế, không chỉ mặt bằng và bố trí phòng ốc mới giữ vai trò quan trọng mà cả vận

tốc nữa. vì ngôi nhà càng di chuyển nhanh bao nhiêu thì đồng hồ trong đó càng chạy chậm hơn bấy nhiêu, khiến người ở trong ấy sẽ càng có nhiều thời giờ hơn. Tùy vận tốc mà một ngày người ở trong ngôi nhà nhanh có thể được lợi hơn hàng xóm nhiều phút. Cái trò mê say điên cuồng tốc độ này diễn ra cả ban đêm, vì ngay trong giấc ngủ người ta vẫn có thể được thêm hay mất đi thời gian quý báu. Đêm đêm đường phố được chiếu sáng để những ngôi nhà di động kia có thể tránh được những vụ đụng nhau tai hại. Đêm đêm người ta mơ tới vận tốc, tuổi xuân và sự thăng tiến.

Song có một sự thật mà con người trong cái thế giới cao tốc không hề lưu ý tới: theo sự lặp thừa lô-gích thì hiệu ứng này chỉ luôn là tương đối mà thôi. Vì khi hai người đi qua mặt trên đường phố thì người này thấy người kia chuyển động, giống như một người đứng trong xe lửa thấy cây cối chạy qua cửa sổ. Khi hai người đi qua mặt nhau trên đường phố thì người này thấy thời gian của người kia trôi chậm hơn. Ai cũng nghĩ rằng người kia được lợi về thời gian. Điều này khiến người ta phát điên lên được. Và người ta sẽ lại càng dễ điên hơn nữa, vì mình càng đi qua mặt tay hàng xóm nhanh hơn bao nhiêu thì xem ra hẳn lại càng chuyển động nhanh hơn bấy nhiêu.

Thất vọng và nản chí, một số người thôi không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa. Họ hạ màn màn xuống thành ra không biết mình, hàng xóm và những kẻ cạnh tranh vận động nhanh đến mức nào. Sáng sáng thức dậy họ tắm, ăn bánh với thịt nguội, ngồi vào bàn làm việc, nghe nhạc, trò chuyện với con cái, hài lòng với cuộc sống của mình.

Có người tuyên bố rằng chỉ có chiếc đồng hồ khổng lồ trên tháp mới chỉ đúng thời gian, chỉ nó mới trong trạng thái bất động. Người khác lại chỉ ra rằng chiếc đồng hồ khổng lồ này cũng vận động, nếu quan sát nó từ sông Aare hay từ một đám mây.

***Màn xen kẽ**

Einstein và Besso ngồi trong một quán cà phê ở Amthausgasse. Lúc ấy giữa trưa và Besso đã thuyết phục được bạn mình ra khỏi văn phòng để hít thở không khí trong lành.

” Cậu trông không được khỏe đấy”, Besso nói.

Einstein nhún vai, gần như hơi bối rối. Mấy phút trôi qua, mà cũng có thể chỉ mấy giây thôi.

“Công việc của mình có tiến triển”, Einstein nói.

“Tớ cũng nghĩ thế”, Besso nói và lo lắng nhìn những quầng thâm quanh mắt bạn.

Chắc là Einstein lại không ăn không uống gì nữa đây. Besso nhớ đã có lần mình trông cũng như Einstein bây giờ vậy, nhưng vì lí do khác. Chuyện xảy ra ở Zürich. Ông bố Besso đột ngột mất, chưa tới năm mươi tuổi. Vì Besso có xung khắc với bố nên anh lấy làm buồn rầu, cảm thấy mình có lỗi. Hồi đó Besso ngạc nhiên khi Einstein kéo anh về ở chung phòng và săn sóc anh suốt một tháng ròng.

Giờ đây Besso thấy rõ tình trạng sức khỏe Einstein và ước mong có thể giúp gì cho bạn. Nhưng tất nhiên Einstein không cần giúp đỡ. Besso có cảm tưởng Einstein không đau ốm gì. Chỉ là bạn anh quên mất mình và thế giới đó thôi.

Việc của mình có tiến triển”, Einstein lại nói. ” Mình nghĩ rằng sẽ giải đáp được câu đó. Cậu đã đọc bài báo của Lorentz mình để trên bàn cậu chưa?”

“Rồi rắm.”

“Đúng, rồi rắm và thiếu tổng quát. Không thể nào như thế được. Các thí nghiệm điện từ cho ta thấy những gì cơ bản hơn nhiều.”

Einstein vuốt ria mép trầm ngâm, ngón ngấu bánh ngọt trên bàn.

Hai người đàn ông im lặng một hồi lâu. Besso bỏ bốn viên đường vào li cà phê, còn Einstein ngó qua rặng Alps xa tít tắp bị hơi mù che phủ như chẳng còn thấy gì nữa. song thật ra Einstein nhìn xuyên qua rặng Alps, vào không gian. Đôi khi cái nhìn như thế này làm

Einstein nhức đầu, khiến anh phải nhắm mắt, nằm nghỉ trên cái trường kỉ xanh bọc vải.

“Anna mời cậu với Mileva tuần tới đến ăn tối”. Besso nói. “ Nếu cần thì đem đứa nhỏ theo.”

Einstein gật đầu.

Besso gọi thêm một tách cà phê, nhìn sang bàn bên cạnh thấy một thiếu nữ, bèn nhét áo vào trong quần. Trông anh lúc này cũng tươi tắn không kém Einstein, người vẫn đang dùng cái nhìn của mình nhìn các thiên hà. Besso thật sự lo cho Einstein, tuy trước đây anh cũng đã từng thấy bạn mình như thế này rồi. Có thể bữa ăn chung sẽ làm cho bạn anh nghĩ tới những chuyện khác.

“Tối thứ Bảy nhé”, Besso nói.

“Tối thứ Bảy mình bận”, Einstein đáp ngay. “Nhưng có thể Mileva và Hans Albert sẽ tới. ”

Besso cười: “Tám giờ tối thứ Bảy đấy. “Anh thật không hiểu vì sao Einstein lại lập gia đình. chính Einstein cũng không giải thích được. Có lần anh thú thực với Besso rằng anh đã hy vọng ít ra Mileva cũng lo chuyện nhà, nhưng chỉ là hy vọng hão. Giường không dọn, quần áo dơ không giặt, cả đồng chén đĩa không rửa. Có đứa nhỏ lại càng thêm nhiều việc chán ngắt.

“Cậu nghĩ thế nào về phát minh của Rasmussen?” Besso hỏi.

“Máy li tâm cho chai lọ ấy à?”

“Ừ.”

“Máy ấy không chạy đâu, vì trục của nó rung dữ lắm”, Einstein đáp. “Nhưng đó là một sáng kiến hay. Với một bộ phận treo linh động tự tìm trục quay chắc sẽ được đấy.”

Besso biết bạn mình nghĩ gì. Einstein sẽ tự phác một bản thiết kế rồi gửi cho Rasmussen mà không đòi tiền hay một lời cảm ơn. Những kẻ may mắn nhận được gợi ý của Einstein thường không hề biết ai đã chỉnh sửa cho đơn xin cấp bằng sáng chế của họ. Không phải Einstein không thích được người ta nhìn nhận công lao. Mấy năm trước, khi cầm trong tay tờ tạp chí *Vật lí* có đăng bài báo khoa

học đầu tiên của mình, Einstein đã bắt chước hết một chú gà trống liền năm phút.

***2 tháng Sáu 1905**

Một quả đào chín nâu mềm nhũn bị lôi ra từ thùng rác, đặt lên bàn để nó trở lại màu hồng. Nó hồng và rắn chắc trở lại, được bỏ vào trong bị đem tới hiệu thực phẩm, bày lên quầy, được đem sắp vào thùng rồi mang gắn lại trên cái cây trở hoa màu hồng nhạt. Trong thế giới này thời gian chạy giật lùi.

Một bà lão nhăn nheo ngồi gàn như bất động trên ghế, mặt đỏ phù, mắt bà cụp đã lòa lắm, tai nghễnh ngãng, hơi thở khô khè như tiếng lá rơi xạc xào trên nền đá. Năm tháng trôi qua. Một đôi người đến thăm. Bà lão khỏe lại dần, ăn khỏe hơn và những vết hằn sâu trên mặt biến mất. Bà nghe tiếng người nói, tiếng ca nhạc. Những hình ảnh mờ nhạt nay đậm dần, thành ánh sáng, thành hình dạng cái bàn, chiếc ghế và khuôn mặt người. Bà ra khỏi nhà, đi những chuyến dã ngoại ngắn, ra chợ; thỉnh thoảng bà tới thăm một người bạn gái và ngồi uống li trà trong quán nước trước khi trời đẹp. Bà lôi que đan và sợi từ ngăn tủ dưới cùng ra đan. Bà mỉm cười khi hài lòng với việc mình làm. Một ngày kia chồng bà được khiêng vào nhà, mặt xám như tro. Sau vài giờ đôi má ông trở nên hồng hào, ông đứng lom khom, vờn người trò chuyện với bà. Ngôi nhà của bà trở thành nhà của hai người. Họ cùng ăn, kể chuyện vui và cùng cười. Họ đi du lịch trong nước, tới thăm bạn bè. Mái tóc bạc của bà có thêm vài lọn nâu thẫm, giọng bà vang nhiều thanh âm mới mẻ. Bà đến trường trung học dự lễ bế giảng, bắt đầu giảng dạy môn lịch sử. Bà yêu quý học trò, sau giờ giảng bà còn thảo luận với chúng. Trong giờ nghỉ trưa và tối tối, bà đọc sách. Bà gặp bạn bè, thảo luận về lịch sử và thời sự. Bà phụ việc sổ sách cho cái hiệu thuốc nhỏ của chồng, đi dạo với ông dọc chân núi, ân ái với ông. Da bà trở nên mịn màng, mái tóc dài nâu tuyệt đẹp, ngực bà rắn chắc. trong thư viện đại học bà gặp chồng lần đầu tiên và đáp lại cái nhìn của ông. Bà tham dự các khóa học. Bà tốt nghiệp tú tài khiến bố mẹ và em gái bà khóc vì sung sướng. Bà sống trong nhà bố mẹ, cùng mẹ đi dạo cả tiếng đồng hồ trong những cánh rừng gần nhà, giúp mẹ rửa chén đĩa. Bà kể chuyện cho cô em; tối tối trước khi ngủ bà được nghe kể chuyện, bà bé bỏng trở lại. Bà lấy. Bà được cho bú.

Một ông tuổi trung niên đang rời khỏi bức một lễ đường ở Stockholm, tay cầm tấm huy chương. Ông bắt tay chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Thụy Điển, nhận giải Nobel Vật lí và lắng nghe bài diễn văn tán dương mình. Ông thoáng nghĩ đến giải thưởng được trao. Đầu óc ông nghĩ tới gần hai mươi năm sau, khi ông sẽ một mình làm việc trong căn phòng nhỏ, chỉ với giấy và cây bút chì.. Ông sẽ làm việc ngày đêm, sai tới sai lui, thùng rác đầy những chuối phượng trình và hệ luận không dùng được. Thế nhưng một đêm nào đấy ông sẽ lại trở lại bàn làm việc, biết rằng mình đã tìm ra được điều gì đấy trong tự nhiên mà trước ông chưa ai nghĩ đến, rằng ông đã dám dấn thân vào trong rừng sâu và tìm ra ánh sáng, rằng ông đã nắm bắt được những bí ẩn quý báu. Vào cái đêm hôm ấy tim ông sẽ rộn lên như trống trong lồng ngực, như thể ông biết yêu. Điều dự cảm về dòng máu rộn ràng kia, về cái thời ông sẽ trẻ, chưa nổi tiếng và không ngại sai lầm khiến ông choáng ngợp trong cái giây phút ông ngồi trên ghế trong lễ đường này ở Stockholm, thật xa giọng nói nhỏ của ông chủ tịch, người đang giới thiệu ông.

Một người đàn ông đứng bên huyệt của bạn mình, rải một nắm đất lên áo quan, cảm thấy mưa lạnh tháng Tư rơi trên mặt đất. Nhưng ông không khóc. Ông hướng về tương lai, nghĩ tới cái ngày mà hai lá phổi của bạn ông sẽ khỏe lại, cái ngày mà bạn ông không nằm liệt giường nữa, mà cười đùa, cái ngày hai người sẽ cùng uống bia, đi thuyền buồm và trò chuyện cùng nhau. Ông không khóc. Ông nôn nóng chờ đợi một ngày nhất định trong tương lai, cái ngày mà ông nhớ rằng hia người ngồi ăn bánh mì bơ tại một cái bàn thấp, đơn giản và ông sẽ nói về nỗi lo mình sẽ già và không được thương mến, bạn ông sẽ gạt đầu thông cảm và mưa sẽ rơi trên kính cửa sổ.

***3 tháng Sáu 1905**

Chúng ta hãy hình dung một thế giới trong đó người ta chỉ sống có một ngày thôi. Như thế thì nhịp tim hoặc hơi thở phải tăng nhanh đến độ một đời người vừa khít với một vòng quay của quả đất quanh cái trục của nó, hoặc trái đất sẽ phải quay thật chậm lại để một vòng quay của nó khớp với đời một người. Hai cách diễn giải đều được cả. Trong cả hai trường hợp thì người đàn ông và người đàn bà chỉ thấy một lần mặt trời mọc và một lần mặt trời lặn.

Trong thế giới này không ai thấy được bốn mùa thay đổi. ai sinh vào tháng Mười hai tại một nước châu Âu sẽ không bao giờ được thấy lan dạ hương, huệ, cúc tây, hoa tím núi Alps, hoa nhung tuyết, không bao giờ thấy lá cây thích ngả màu vàng rực, không bao giờ nghe tiếng dế gáy. Ai sinh vào tháng Mười hai thì sống cả đời trong lạnh lẽo. Ngược lại, ai sinh vào tháng Bảy sẽ không bao giờ được biết tuyết rơi trên má, không bao giờ thấy mặt trời đóng băng lấp lánh như pha lê, không bao giờ nghe tiếng giày ông lão xạo trên tuyết mới rơi. Ai sinh vào tháng Bảy sẽ sống cả đời trong ấm áp. Sự đổi thay bốn mùa người ta chỉ còn biết qua sách vở.

Trong thế giới này, cuộc đời được hoạch định bằng ánh sáng. Ai sinh lúc mặt trời lặn sẽ sống nửa đầu cuộc đời trong bóng tối, học những nghề trong nhà như dệt vải, làm đồng hồ, họ đọc nhiều, trở thành trí thức, họ ăn quá nhiều, sợ hãi bóng tối dày đặc bên ngoài, nghĩ rằng mình bị theo dõi. Ai sinh lúc mặt trời mọc sẽ học những nghề ngoài trời, như nghề nông hay xây nhà, thân thể họ cường tráng, họ xa lánh sách vở và những dự tính điên rồ, họ vui vẻ và tự tin, không sợ gì hết thảy.

Gặp khi ánh sáng thay đổi thì người sinh lúc mặt trời lặn cũng như lúc mặt trời mọc đều lúng túng như nhau. Khi mặt trời mọc thì người sinh lúc mặt trời lặn sẽ bị choáng ngợp vì thành lĩnh trông thấy cây cối, biển cả, núi non, mắt chói lòa vì ánh sáng, họ sẽ rút vào trong nhà, che cửa sổ lại, sống phần đời còn lại trong nhá nhem. Gặp khi mặt trời lặn thì người sinh lúc mặt trời mọc sẽ than vãn vì bầu trời vắng bóng chim muông, về những bóng tối phủ lên màu xanh của biển, về những chuyển động như bị thôi miên của mây

trời. Họ oán trách và không chịu học những nghề trong ngôi nhà tối tăm, họ nằm dài trên nền nhà nhìn lên, cố tìm những gì họ đã từng thấy.

Trong cái thế giới nơi đời người gói trọn trong một ngày, người ta cư xử rất thận trọng với thời gian, giống như mèo găng phát hiện từng tiếng động nhỏ xíu trên trần nhà. vì người ta không được để mất thời gian. sinh ra, đến trường, yêu đương, thành hôn, nghề nghiệp và tuổi già, tất cả những việc ấy phải vừa khớp với khoảng thời gian chuyển đổi duy nhất của ngày. Gặp nhau trên đường phố, người ta đưa tay lên mũ chào rồi lại vội vã đi. Gặp nhau trong nhà, người ta lễ phép hỏi thăm sức khỏe rồi lại chú tâm lo việc của mình. Những người tụ tập trong quán cà phê lo lắng theo dõi bóng mặt trời chứ không ngồi lâu. Thời gian quá ư quý báu. Cuộc sống là một trận tuyết rơi. Cuộc sống là một ngày mùa thu. cuộc sống là cái cạnh sắc nét phù du của bóng một cánh cửa khép lại. Cuộc sống là một cái giật chân, giật tay ngăn ngủi.

Rồi khi về già. dù sáng hay tối, người ta phát hiện rằng mình chẳng quen biết một ai. Họ không có thời giờ cho chuyện ấy. Bố mẹ đã qua đời lúc giữa trưa hay nửa đêm. các anh các chị đã dọn tới những thành phố xa xôi để chớp lấy những cơ hội phù du. Bạn bè thay đổi như bóng nắng. Nhà cửa, thành phố, chỗ làm, người yêu, tất cả được trù tính sao cho vừa khớp một đời diễn ra trong vòng một ngày. Về già người ta không quen biết họ. Đời anh bị phân thành những mẩu nhỏ của những con người. Đời anh tan rã thành những tình tiết vội vàng chẳng ai tham dự. Anh ngồi trước bàn ngủ, nghe tiếng nước chảy vào bồn tắm, tự hỏi bên ngoài lí trí của mình còn gì khác hiện hữu. vòng tay ôm của mẹ thật có không? Sự ganh đua lấy vui làm chính với người bạn học thật có không? Cái ngửa ngáy tình dục đầu tiên thật có không? có người tình không? Mọi thứ ấy giờ ở đâu? chúng ở đâu, trong lúc anh ngồi đây trước bàn nghe tiếng nước chảy vào bồn tắm và mơ hồ cảm thấy ánh sáng thay đổi.

* 5 tháng Sáu 1905

Nhìn bề ngoài nơi chốn và dáng vẻ của những dòng sông, cây cối, dinh thự, con người, tất cả dường như bình thường. Sông Aare uốn khúc về hướng Đông, tấp nập tàu thuyền chở khoai và củ cải đường. Những núi con của dãy Alps mọc chi chít loại thông cành cong ngược lên trời, như những chạc giá cắm nền, lủng lẳng quả. Những ngôi nhà ba tầng ngói đỏ, mái có cửa sổ, nằm lặng lẽ ở Aarstrasse, nhìn ra sông. Trên Marktgasse chủ các quán hàng mời chào khách khăn mùi xoa, đồng hồ loại tốt, cà chua, bánh mì chua và thì là. Mùi thịt xông khói bay tỏa khắp đường. Một người đàn ông và một người đàn bà đứng trên chiếc bao lơn hẹp trên Kramgasse vừa tranh cãi vừa mỉm cười. Một cô bé từ từ đi qua khu vườn trên đường Kleine Schanze. Cánh cửa gỗ màu đỏ cao vợi của nhà bưu điện hết mở lại đóng, hết mở lại đóng. Một con chó sủa.

Nhưng trong con mắt của một người bất kì nào đó, cảnh tượng diễn ra khác hẳn. Như một bà ngồi trên ghế băng bên bờ sông Aare sẽ thấy thuyền chạy với tốc độ cao, như thể chúng đang lướt đi trên giày trượt băng. Một bà khác lại thấy thuyền sao mà chậm chạp, mất cả buổi chiều mới qua hết khúc quanh trên sông. Một ông đứng trên Aarstrasse nhìn xuống sông, phát hiện ra rằng thoát đầu thuyền chạy tới, rồi chạy lui.

Những sự trái ngược này cũng lặp lại ở chỗ khác. Ngay bây giờ đây, một ông bán thuốc trở về cửa hàng trên Kochergasse sau bữa ăn trưa. Ông thấy một cảnh như thế này: sau lưng ông có hai bà đi như chạy, tay vung vẩy, miệng liên thoảng khiến ông không hiểu họ nói gì; một ông luật sư băng vội qua đường để đến chỗ hẹn, đầu hết giật qua bên này lại qua bên kia, cứ như một con thú nhỏ; một quả bóng đĩa nhỏ ném từ bao lơn bay vù trong không khí như đầu đạn, không nhận ra được. Những người cư ngụ trong ngôi nhà số 82 mà ông thoảng thấy qua cửa sổ bay trong nhà từ phòng này sang phòng khác, họ ngồi xuống, lùa bữa ăn vào miệng trong vòng một phút, biến mất rồi lại xuất hiện. Trên bầu trời những áng mây tụ lại, dạt ra rồi tụ lại theo nhịp thở của người.

Người thợ bánh mì bên kia đường cũng nhìn những cảnh tượng này. Ông thấy hai bà nọ thong thả đi trên đường, nói vài câu với ông luật sư rồi lại đi tiếp. Ông luật sư vào một căn hộ trong ngôi nhà số 82, ngồi vào bàn ăn trưa, ra đứng ở cửa sổ trên tầng một, bắt quả bóng đưa trẻ từ dưới đường tung lên.

Ngược lại, người thứ ba đứng dưới một cột đèn trên Krochergasse lại thấy cảnh tượng hoàn toàn bất động: hai người đàn bà, viên luật sư, quả bóng, đưa trẻ, ba chiếc thuyền trên sông và nội thất căn hộ được chụp lại như những bức tranh trong nắng hè rực rỡ.

Mỗi chuỗi sự kiện trong thế giới đó, nơi mà thời gian là ấn tượng của giác quan, đều được ghi nhận tương tự như thế.

Trong một thế giới mà thời gian là ấn tượng của giác quan như thị giác và thị giác thì một chuỗi sự kiện có thể được cảm nhận nhanh hay chậm, mơ hồ hay mãnh liệt, mặn hay ngọt, có nguyên do hay không, trật tự lớp lang hay tùy tiện... tùy thuộc vào điều kiện tiên khởi của người quan sát. Trong những quán cà phê trên Amthausgasse các triết gia ngồi tranh luận xem thời gian có thật hiện hữu bên ngoài sự cảm nhận của con người không. Ai nói được rằng một sự kiện diễn ra nhanh hay chậm, có nguyên do hay không, trong quá khứ hay trong tương lai? Ai nói được các sự kiện đó có hay không? Các triết gia ngồi lim dim mặt, so sánh mỹ-học-thời-gian của họ với nhau.

Một số ít người không có ý niệm thời gian từ khi mới sinh ra. Vì thế họ lại có một ý niệm về không gian rất mãnh liệt. Họ nằm trên bãi cỏ rậm nhưng lại được các thi sĩ và họa sĩ khắp thế giới hỏi đến không ngừng. Các thi sĩ và họa sĩ nắn nỉ những người cầm điếu về thời gian này tả chính xác thế đứng của cây cối trong mùa xuân, hình dạng lớp tuyết trên rặng Alps, góc chiếu của tia nắng rọi lên nhà thờ, vị trí sông rạch, địa điểm của rong rêu, hình dạng của một đàn chim. Nhưng những người cầm điếu về thời gian này không thể nói ra điều họ biết, vì nói bao hàm một chuỗi từ được phát âm tuần tự theo thời gian.

***9 tháng Sáu 1905**

Giả sử rằng con người sống hoài, sống mãi.

Lạ lùng sao dân cư mỗi thành phố sẽ phân chia thành hai nhóm: nhóm người-hiện-giờ và nhóm người-sau-này.

Những người-sau-này cho rằng chẳng vội gì tham dự các khóa học ở trường đại học hay học ngoại ngữ, đọc Voltaire hay Newton, lo thăng tiến trong công việc, hay yêu đương, lập gia đình. còn khối thì giờ cho những chuyện này. Mọi sự sẽ được thực hiện trong cái kho thời gian vô tận. Do đó cứ từ từ. Hấp tấp tất đưa đến sai lầm. Ai phản bác được cái lô-gích này chứ? Người ta nhận ra những người-sau-này trong mọi cửa hàng, trên mọi con đường hóng mát. Họ có dáng đi ung dung và áo quần vừa vặn thoải mái. Họ thích thú đọc những tạp chí bày ngổn ngang tình cờ thấy, ở nhà thì họ sắp xếp lại bàn ghế hay thản nhiên bắt chuyện, tự nhiên như chiếc lá lìa cành. Những người-sau-này ngồi uống cà phê trong quán nước, bàn tính về những khả năng trong cuộc sống.

Những người-hiện-giờ ý thức rằng với một cuộc sống bất tận thì họ có thể làm tất cả mọi điều mà họ hình dung được. Họ làm đủ mọi thứ ngành nghề, kể không xiết, họ lập gia đình không biết bao nhiêu lần, không ngừng thay đổi lập trường chính trị. Ai cũng là luật gia, thợ nề, nhà văn, kế toán, họa sĩ, bác sĩ, nông dân. Những người-hiện-giờ thường xuyên đọc sách mới phát hành, tìm học những khái niệm và ngôn ngữ mới. Họ vào đời sớm và không bao giờ ngơi nghỉ hưởng thụ khả năng vô tận của cuộc đời. Ai phản bác được cái lô-gích này chứ? Rất dễ nhận ra những người-hiện-giờ. Họ là các chủ quán cà phê, là giáo sư, bác sĩ, y tá, chính trị gia, những người hể ngồi xuống là rung đùi, bất kể ở đâu. Họ trải qua một loạt cuộc sống, hăm hở găng không bỏ lỡ một chút gì. Nếu hai người-hiện-giờ tình cờ gặp nhau ở cái trụ lục giác của hồ Zähringer thì họ sẽ làm một cuộc so sánh những cuộc đời họ đã từng trải qua, trao đổi thông tin và ngó đồng hồ. Nếu hai người-sau-này cũng gặp nhau ở đây thì họ sẽ ngẫm nghĩ về tương lai trong khi mặt họ dõi nhìn hình vòng cung của tia nước.

Người-hiện-giờ và người-sau-này có chung một điều: cuộc sống vô tận nên sẽ lấp họ hàng. Ông bà của họ sẽ không chết, các cụ cố cũng không chết, giống như các bậc sinh ra ông chú, bà bác... cứ thế đời đời kiếp kiếp. Đám người này sống để không ngừng góp ý, khuyên răn con cháu. Bọn con trai sẽ không bao giờ thoát khỏi cái bóng của các ông bố, đám con gái sẽ không bao giờ thoát ra khỏi cái bóng của các bà mẹ. Không một ai tự lập nổi.

Một ông muốn mở hàng, thấy cần hỏi ý cha mẹ, ông bà, các cụ cố - cứ thế mãi mãi, không dứt - để học hỏi từ những vấp vấp của người đi trước. Bởi chẳng có việc nào thật sự mới cả. Việc gì thì cũng đều có bất cứ một bậc tiền bối nào đó trong dòng họ thử nghiệm rồi. Nói cho thật đúng thì việc gì cũng đều đã từng được thực hiện cả rồi. Song việc xin ý kiến có cái giá của nó: trong một thế giới như thế này thì sự thành công được nhân lên qua nhiều lần khuyên răn sẽ khiến cho tham vọng giảm đi một cách tương ứng.

Cô con gái muốn được mẹ khuyên thì lời khuyên này không chỉ là của riêng mẹ. Mẹ phải hỏi bà, bà phải hỏi cụ cố, cứ thế không dứt. Cũng như lũ con gái và con trai không tự quyết định được, chúng cũng không thể tìm được ở cha mẹ mình lời khuyên đáng tin cậy. Cha mẹ không phải là cái nguồn duy nhất cho lời khuyên chắc chắn, mà có đến cả triệu nguồn.

Nơi đâu mà mỗi hành động phải được kiểm tra cả triệu lần thì cuộc sống ở đó là cả một sự mò mẫm e dè. Những cây cầu xây đến giữa sông bỗng dừng khựng lại. Những tòa nhà xây cao chín tầng nhưng không có mái. Kho dự trữ gừng, muối, cá thu, thịt bò của người buôn thực phẩm thay đổi theo mỗi suy tính, mỗi lần hội ý. Những câu văn viết dở. Người ta từ hôn vài ngày trước lễ cưới. Trên đường phố họ quay nhìn tứ phía, xem có ai đang dõi theo mình.

Đó là cái giá của sự bất tử. Không ai hoàn toàn là mình. Không ai tự do. Dần dà có người rút ra kết luận rằng cái chết cho ta điều kiện duy nhất để mà sống. Khi chết con người thoát khỏi gánh nặng của quá khứ. Những linh hồn riêng lẻ này trầm mình ở hồ Bodensee trước mắt bà con quyến thuộc hay đắm đầu từ ngọn Monte Lema để kết liễu cuộc đời vô hạn của mình. Bằng cách này cái hữu hạn đã thắng cái vô hạn. Triệu mùa thu đã phải nhường không một mùa thu

nào, triệu cơn mưa tuyết đã phải nhường không một cơn mưa tuyết nào, mà triệu lời cảnh cáo đã phải nhường không một lời cảnh cáo nào.

***10 tháng Sáu 1905**

Giả sử rằng thời gian không phải là lượng mà là chất, như ánh trăng trong đêm trên các ngọn cây khi trăng lên vừa chớm hàng cây. Thời gian có đầy nhưng không đo được.

Ngay lúc này đây, vào một buổi chiều có nắng, một người đàn bà đứng ngay giữa quảng trường trước nhà ga chờ một người đàn ông. Cách đây ít lâu anh gặp cô trên chuyến xe lửa đi Fribourg, say mê cô và mong muốn được dẫn cô đi xem khu vườn trên Grosse Schanze. Cô cảm thấy, qua giọng nói khản khản và đôi mắt kia, rằng anh tha thiết lắm. Thành ra cô chờ anh; không phải không sốt ruột nên cô đọc sách cho qua thời giờ. Một lúc sau, có thể là ngày hôm sau, hai người quàng tay nhau đi tới khu vườn nọ, nhàn tản qua những luống tuy lúp, hồng, huệ và loa kèn, và họ ngồi thật lâu trên một ghế băng bằng gỗ tuyết tùng sơn trắng. Chiều xuống, qua sự thay đổi của nắng và bầu trời có ráng đỏ. Hai người theo một lối đi vòng vèo sỏi trắng leo lên một quán ăn trên đồi. họ đã ở bên nhau cả đời chưa, hay chỉ một khoảnh khắc thôi? Ai trả lời được?

Bà mẹ anh nhìn qua khung kính cửa sổ quán ăn thấy con trai ngồi đó với người đàn bà. Bà vặn vẹo đôi bàn tay và rên rỉ, vì bà muốn con trai mình ở nhà. Bà vẫn thấy con mình là một đứa bé. Chẳng lẽ thời gian đã trôi qua từ ngày con bà sống với cha mẹ, chơi trốn tìm với bố, xoa lưng mẹ trước khi đi ngủ? Qua khung kính cửa sổ quán ăn bà mẹ nhìn nụ cười thơ dại của đứa con ngưng đọng trong ánh nến lung linh và bà tin chắc rằng thời gian không hề trôi qua, rằng đứa con trai bé bỏng của bà vẫn còn thuộc về bà. Bà mẹ vặn vẹo đôi tay vào nhau đứng chờ ngoài quán, còn con trai bà nhanh chóng già đi trong vòng tay của người đàn bà kia.

Phía bên kia đường, ở Aarberggasse, có hai ông đang cãi nhau vì một vụ giao thuốc men. Người nhận tức tối vì đây là loại thuốc có hạn sử dụng ngắn, đã hết hạn và kém hiệu nghiệm. Ông đã nghĩ là sẽ nhận được thuốc sớm hơn nhiều cơ, thậm chí còn ra nhà ga chờ mãi, còn bà lão tóc bạc ở số nhà 27 Spitalgasse cứ tới hỏi hoài mà lần nào cũng về tay không, trong khi ánh nắng trên rặng Alps đã nhiều lần thay đổi, những ngày ấm đã trở nên lạnh, rồi mưa. Người

giao hàng, một ông mập lùn có ria mép, thấy mình bị xúc phạm. Ông đã đóng thùng số thuốc này tại hăng của mình ở Basel ngay khi nghe tiếng màn vải bạt ở các cửa hiệu được kéo lên. Ông đã mang thùng thuốc ra xe lửa, trong khi những áng mây vẫn lơ lửng nguyên tại chỗ như lúc làm xong đơn giao hàng. Ông còn có thể làm được gì hơn nữa chứ?

Trong một thế giới mà thời gian không đo được thì không có đồng hồ, không có lịch, không có những cuộc hẹn chính xác. Sự kiện này do sự kiện khác thúc đẩy, chứ không phải do thời gian. Người ta khởi công xây nhà khi công trường nhận được gỗ, đá. Chủ mỏ đá giao đá khi cần tiền. Ông luật sư rời khỏi nhà để bào chữa cho thân chủ trước tòa án liên bang khi con gái ông giấu cọt bố về cái đầu bắt đầu hói của ông. Việc học tập tại trường trung học ở Berne kết thúc khi cậu học trò thi đậu. Các chuyến tàu rời ga khi mọi chỗ trên tàu đều đã có người.

Trong một thế giới mà trong đó thời gian là chất thì người ta ghi nhớ sự kiện bằng cách nhớ đến màu sắc bầu trời, đến thanh âm tiếng gọi của người thủy thủ trên sông Aare, đến cảm giác sung sướng hay sợ hãi khi bước vào một căn phòng. Việc một đứa bé chào đời việc cấp bằng phát minh, việc hai người gặp nhau không phải là những thời điểm được xác định bằng giờ bằng phút. Đúng hơn, mọi sự kiện trượt trong không gian của tưởng tượng. Thời gian giữa hai sự kiện dài ngắn tùy theo lịch sử của các sự kiện tương phản, cường độ chiếu sáng, tương quan giữa ánh sáng và bóng tối, điểm nhìn của những người trong cuộc.

Có người thử định lượng thời gian, thử phân tích, chia cắt nó ra. Nó biến thành đá. Thân thể của nó cứng đờ ở góc đường, lạnh, cứng và nặng. Cuối cùng những pho tượng này bị chở đến người chủ mỏ đá; khi cần tiền, ông ta xẻ nó ra làm những phần đồng đều, bán cho người ta xây nhà.

***11 tháng Sáu 1905**

Ở góc Kramgasse và quảng trường Theater có một quán cà phê nhỏ với sáu cái bàn màu xanh; những cây dã yên màu xanh trồng trong chậu hoa trước cửa sổ nhà bếp; từ quán cà phê này người ta có thể thấy và nghe hết thành phố Berne. Thiên hạ kéo nhau qua những lối đi có mái vòm ở Kramgasse; họ trò chuyện, dừng lại đây đó mua áo quần, đồng hồ đeo tay và quế. Những chú bé tám tuổi ở ngôi trường trên Kochergasse đang vào giờ nghỉ, xếp hàng một theo thầy đi tới bờ sông Aare. Từ một nhà máy ở bờ sông bên kia khói chậm chạp bay lên. Từ những ống dẫn vào hồ đài phun Zhringer nước chảy kêu rọt rọt. Cái đồng hồ khổng lồ ở Kramgasse gõ một tiếng khi tròn mười lăm phút.

Nếu có khi nào dừng để tâm tới âm thanh và mùi vị của thành phố thì người ta có thể quan sát thấy đôi điều đáng chú ý. Ở góc Kochergasse có hai người đàn ông cố rời nhau mà không được, như thể họ sợ sẽ chẳng còn bao giờ được gặp nhau nữa. Họ chia tay, mỗi người đi một hướng để rồi ngay sau đó hối hả chạy ngược lại, ôm chầm lấy nhau. Ngay gần đấy có một bà luống tuổi ngồi trên bờ tường bao bằng đá của đài phun nước, âm thầm nuốt nước mắt. Bà nắm chặt thành đá, chặt đến nỗi bàn tay bà trắng bệch, và tuyệt vọng đăm đăm nhìn xuống đất. Bà quá cô đơn như thể nghĩ rằng sẽ không bao giờ gặp và quen ai nữa. Hai người đàn bà mặc áo thun thông dong sánh vai nhau đi dọc Kramgasse, cười tươi đến nỗi không thể nào phỉ thì giờ, dù chỉ một thoáng, nghĩ tới tương lai.

Đây quả là một thế giới không tương lai. Trong thế giới này thời gian là một đường thẳng, nó chấm dứt trong hiện tại - trong thực tế cũng như trong đầu óc con người. Trong thế giới này không ai có thể hình dung về tương lai. Hình dung về tương lai cũng bất khả như nhìn thấy màu sắc bên kia giới hạn của tia cực tím: giác quan không cảm nhận được phần kế tiếp giới hạn thấy được của quang phổ.

Trong một thế giới không tương lai thì mỗi lần chia tay một người bạn là một lần chết, mỗi nụ cười là một nụ cười cuối cùng. Trong

một thế giới không tương lai thì bên kia của hiện tại là hư vô và con người bám lấy hiện tại như bám vào một mỏm đá.

Kẻ nào không hề mừng tượng được điều gì sẽ có thể xảy ra trong tương lai, kẻ ấy cũng không có khả năng cân nhắc hậu quả hành động của mình. Thế là họ hết dám làm gì, khác nào cơ thể tê liệt. Họ nằm cả ngày trên giường, rất tỉnh táo, nhưng sợ không dám mặc quần áo. Họ uống cà phê và xem những bức ảnh. Kẻ khác thì ngược lại, sáng sủa nhảy ra khỏi giường, hoàn toàn không bận tâm về việc mỗi hành động đều rơi vào cõi hư vô, việc họ không thể hoạch định được đời mình. Họ sống và ý thức trọn vẹn từng giây phút của khoảnh khắc hiện tại đang diễn ra. Lại có người lấy quá khứ thay vào chỗ của tương lai. Họ kể lể từng kỉ niệm, từng hành động đã thực hiện, từng nguyên nhân và kết quả của nó, và họ bị thu hút bởi các sự kiện đã đưa họ tới khoảnh khắc này như thế nào, khoảnh khắc cuối cùng của thế giới, điểm cuối của cái đường thẳng biểu diễn thời gian.

Ở cái quán nhỏ bày ngoài đường sáu cái bàn và những chậu hoa dã yên có một chàng trai ngồi uống cà phê, ăn bánh ngọt. Anh bình thản nhìn đường phố, thấy hai người đàn bà mặc áo thun cười nói, thấy người đàn bà đứng tuổi bên thành giếng, thấy hai người bạn không ngừng chia tay nhau. Trong lúc ấy một đám mây đen kéo qua thành phố. Nhưng chàng trai vẫn ngồi ở bàn. Anh chỉ có thể hình dung được hiện tại, mà hiện tại trong khoảnh khắc này là bầu trời âm u nhưng không mưa. Trong lúc ăn bánh uống cà phê, anh lấy làm ngạc nhiên rằng kết thúc của thế giới lại tối đen đến thế. Rồi mưa. Chàng trai đi vào trong quán, cởi áo khoác ướt và ngạc nhiên rằng thế giới kết thúc trong mưa. Anh nói chuyện với đầu bếp về món ăn, nhưng anh không chờ mưa tạnh, vì anh không chờ gì cả. Trong một thế giới không tương lai thì mỗi khoảnh khắc đều là chung cục của thế giới. Sau hai mươi phút, mây đen kéo đi, tạnh mưa, trời lại sáng. Chàng trai trở lại bàn và ngạc nhiên thấy rằng thế giới kết thúc trong ánh nắng.

***15 tháng Sáu 1905**

Trong thế giới này, thời gian là một chiều kích trông thấy được. Như khi người ta nhìn ra xa chân trời, nơi mà nhà cửa, cây cối, đỉnh núi, là những thứ cho là các điểm mốc trong không gian, người ta cũng có thể nhìn về hướng khác, thấy ở đó sự sinh nở, đám cưới và đám tang, là những biển chỉ đường của thời gian, vươn dài vào tương lai xa lắc. Và cũng như người ta có thể quyết định ở nguyên tại chỗ hay chạy tới chỗ khác, người ta cũng có thể lựa chọn sự vận động của mình trên trục thời gian. Có người phải rời xa một khoảnh khắc dễ chịu. Họ cứ quanh quẩn ở một điểm thời gian, không bước quá một bước khỏi những gì quen biết. Kẻ khác thì lại thần nhiên phóng vào tương lai, không màng chuẩn bị cho diễn tiến nhanh lẹ của chuỗi sự kiện kéo qua.

Trong một căn phòng nhỏ của thư viện trường Đại học Bách khoa Zürich, một chàng trai và vị giáo sư đỡ đầu đang điềm tĩnh trao đổi về luận án tiến sĩ của anh ta. Lúc ấy vào tháng Mười hai, cái lò sưởi cẩm thạch đang cháy. Chàng trai và ông thầy ngồi trên ghế gỗ sồi êm ái bên chiếc bàn tròn đầy những tờ giấy chì chít phương trình. Công việc đang gặp khó khăn. Trong mười tám tháng qua, tháng nào anh cũng gặp thầy trong căn phòng này, xin được ông góp ý và động viên, rồi lại làm việc một tháng ròng, để rồi trở lại với những câu hỏi mới. Ông thầy luôn giải đáp những câu hỏi của anh. Hôm nay ông cũng lại giải thích, cắt nghĩa. Trong khi ông thầy nói thì chàng trai ngó qua cửa sổ, nhìn tuyết bám trên cây thông trước tòa nhà và tự hỏi sau khi xong luận án mình sẽ xoay xở ra sao. Ngồi trên ghế, anh ta ngập ngừng tiến tới trong thời gian, chỉ tiến vài phút thôi vào tương lai và anh ta rùng rùng trước cái lạnh và sự bất trắc. Anh ta bèn thoái lui. Bám lại khoảnh khắc này, bên lò sưởi ấm áp, được bao bọc trong sự giúp đỡ thân tình của ông thầy dễ chịu hơn nhiều. Tốt hơn cả, đừng nên lang thang trong thời gian. Thế là ngày hôm ấy chàng trai ở lại trong căn phòng nhỏ của thư viện. Các bạn anh ta đi ngang qua, nhìn vào, thấy anh chàng ở lại đây, họ bèn tiếp tục cuộc hành trình vào tương lai, mỗi người một tốc độ.

Trong căn nhà số 27 Viktoriastrasse có một thiếu nữ đang nằm trên giường. Cha mẹ cô cãi nhau lớn tiếng đến nỗi vang tới tận phòng cô. Cô bịt tai, dăm dăm nhìn một bức hình trên bàn ngủ, chụp cô hồi bé đang ngồi với cha mẹ trên bãi biển. Một cái tủ nâu màu hạt dẻ kê sát vách, trên nóc tủ để một chậu sứ. Lớp vôi xanh trên tường đã nứt và bong ra. Dưới chân giường cô là một cái va li đang mở, quần áo mới chất đầy một nửa. cô nhìn bức ảnh rồi nhìn ra ngoài thời gian. Tương lai vẫy gọi. Cô quyết định. Không đợi sắp xếp xong va li, cô chạy vội khỏi nhà, bỏ đi từ cái mốc này của đời mình, chạy thẳng vào tương lai. Cô chạy trước một năm, năm năm, mười năm, hai mươi năm, cuối cùng cô kéo phanh.

Nhưng vì cô chạy quá nhanh nên chỉ có thể ngừng lại được khi cô đã năm mươi tuổi. Các sự kiện vụt qua nhanh quá khiến cô chẳng kịp thấy gì hết. Một tay luật sư chớp hói đầu đã cho cô mang bầu rồi quất ngựa truy phong. Một năm chênh mảng chẳng có gì đáng nhớ ở đại học. Một thời gian dài ở một căn hộ nhỏ tại Lausanne. Một cô bạn ở Fribourg. Thỉnh thoảng cô về thăm cha mẹ tóc đã ngả màu sương tuyết. Căn phòng trong nhà thương, nơi mẹ cô qua đời. Căn phòng ẩm thấp, hôi mùi tỏi ở Zürich, nơi cha cô nhắm mắt. Một lá thư của đứa con gái đang sống bên Anh.

Cô nín thở. Cô nằm trên giường, cố nhớ về đời mình, dăm dăm nhìn bức tranh chụp cô hồi bé ngồi với cha mẹ trên bãi biển.

***17 tháng Sáu 1905**

Hiện đang là sáng thứ Ba ở Berne. Trên Marktgasse người chủ lò bánh mì có những ngón tay chuối mẩn đang lớn tiếng với một bà mua chịu từ lần trước, hấn vung tay trong khi bà nọ thản nhiên nhét gói bánh nướng khô mới ra lò vào túi xách. Trước tiệm bánh mì, một đứa nhỏ đi patanh theo một quả bóng bị ném xuống từ cửa sổ tầng một, tiếng giầy patanh kêu lục cục trên mặt đường đá. Ở phía Đông, cuối Marktgasse, nơi nối với Kramgasse, có một đôi trai gái đứng sát vào nhau dưới bóng một mái vòm. Hai người đàn ông tay kẹp báo đi ngang qua họ. Ba trăm mét về phía Nam, một cánh chim từ từ vỗ cánh bay qua sông Aare.

Thế giới đứng yên.

Miệng người chủ lò bánh mì há ra như cứng lại giữa chừng. Đứa bé dừng lại khi đang chạy patanh, quả bóng lơ lửng trong không khí. Đôi trai gái dưới mái vòm biến thành những pho tượng. Hai người đàn ông cũng biến thành những pho tượng, cuộc đối thoại của họ gián đoạn, chẳng khác cần máy quay đĩa bị nhắc lên. Cánh chim đang bay cứng lại, treo lơ lửng trên dòng sông như một thứ trang trí sân khấu.

Một phần triệu giây sau, thế giới bình thường trở lại.

Người chủ lò bánh mì tiếp tục la lối như chẳng có chuyện gì xảy ra. Đứa nhỏ tiếp tục chạy theo quả bóng. Hai anh chị kia sát lại bên nhau. Hai người đàn ông lại bàn cãi về giá thịt bò tăng. Con chim lại vỗ cánh, bay tiếp qua sông Aare.

Ít phút sau thế giới lại dừng. Rồi lại bình thường. Dừng. Bình thường.

Đó là thế giới gì vậy nhỉ? Trong cái thế giới này thời gian không liên tục. Trong thế giới đó thời gian ngắt quãng. Thời gian như một dây thần kinh: nhìn từ xa thì có vẻ liên tục, nhưng nếu nhìn gần thì nó đứt đoạn, có một khoảng cách li ti giữa các sợi. Một xung lực chạy qua một đoạn thời gian, bị ngắt quãng, ngừng lại, vọt qua khoảng trống chân không, tiếp tục chạy qua đoạn kề bên.

Những gián đoạn này của thời gian nhỏ li ti đến nỗi cần phóng đại một giây lên rồi chia làm một nghìn lần, mỗi phần lại chia thành một nghìn phần nữa mới có thể phát hiện ra được khoảng trống nọ. Sự gián đoạn này quá ngắn ngủi khiến khoảng cách giữa các đoạn thời gian hầu như không cảm nhận được. Sau mỗi lần thời gian bắt đầu lại thì cái thế giới mới giống y thế giới cũ. Vị trí và chuyển dịch của các đám mây, đường bay của lũ chim, dòng mạch của các cuộc chuyện trò và các tư tưởng có vẻ hết như cũ.

Các đoạn thời gian nối với nhau gần như hoàn hảo, nhưng chỉ gần như thôi. Tình huống chúng vẫn chệch đi nhưng không đáng kể. Chẳng hạn ngày thứ Ba có đôi nam nữ còn trẻ, trạc ba mươi tuổi, đứng dưới gốc một cột đèn đường Gerberngasse ở Berne. Họ quen nhau trước đây một tháng. Chàng yêu nàng tha thiết, nhưng bởi từng bị một người đàn bà khác bỗng dưng bỏ rơi khiến chàng đâm ra sợ hãi trước tình yêu. Với người mới này chàng phải chắc ăn mới được. Chàng quan sát kĩ gương mặt nàng, thăm cầu mong nàng cho mình thấy tình cảm thật của nàng, soi tìm từng dấu hiệu mơ hồ nhất, mọi thay đổi nhỏ nhất trên nét mặt nàng, vẻ ửng hồng khó thấy trên đôi má, nét long lanh trong đôi mắt.

Quả thật, nàng cũng đáp lại tình yêu của chàng, có điều không biết nói ra thành lời. Thay vào đó nàng mỉm cười với chàng mà không hề hay biết về nỗi lo sợ của chàng. Trong khi hai người đứng dưới cột đèn thì thời gian ngừng, rồi lại trôi. Sau cái sự ngừng rồi lại trôi đó thì hai mái đầu vẫn nghiêng như trước, nhịp đập trái tim nàng không thay đổi. Nhưng đâu đó trong đáy tâm hồn nàng mơ hồ một ý nghĩ mà trước không có. Nàng thử nắm bắt trong vô thức cái ý nghĩ mới này, và một thoáng lơ đãng xen vào nụ cười của nàng. Về chao đảo rất mờ nhạt này, người ta không nhìn ra trừ phi thật xét nét, vậy mà chàng trai đeo đuổi tình yêu này đã nhận ra, coi đó như dấu hiệu muốn tìm. Chàng liền nói rằng không thể gặp lại nàng nữa, rồi quay về căn hộ nhỏ trên Zeughausgasse và quyết định dọn đi Zürich, bằng lòng với công việc trong một ngân hàng của ông bác. Còn nàng, từ cái cột đèn trên Gerberngasse, chậm chạp quay về nhà, tự hỏi tại sao chàng không yêu mình.

***Màn xen kẽ**

Einstein và Besso ngồi trong một chiếc thuyền câu bỏ neo trên sông. Besso đang nhai bánh mì kẹp phomat còn Einstein hút tẩu và chậm rãi cuốn cần câu nhử mồi.

“Cậu đã từng câu được gì trên sông Aare này chưa?” Besso hỏi. Cho đến nay anh chưa từng đi câu với Einstein.

“Chưa”, Einstein vừa đáp vừa thả câu.

“Có lẽ tụi mình nên lại gần bờ, chỗ đám sậy kia.”

“Được thôi”, Einstein nói. “Nhưng chỗ đó mình cũng chưa từng câu được gì. Cậu còn miếng bánh mì nào trong túi xách không?”

Besso đưa cho Einstein bánh mì và một chai bia. Anh hơi áy náy vì đã bảo bạn cho đi cùng vào buổi chiều Chủ nhật này. Einstein định đi câu một mình để còn suy nghĩ.

“Ăn đi”. Besso nói. Cậu cần nghỉ một lúc sau khi đã kéo cả lũ cá tới đây.”

Einstein đặt cần câu vào lòng Besso và bắt đầu ăn. Im lặng ngự trị một hồi giữa hai người bạn. Một chiếc xuồng chèo qua làm gợn sóng, khiến chiếc thuyền câu của họ tròn trành.

Sau bữa trưa. Einstein và Besso tháo bỏ ghế rồi cả hai cùng nằm xuống thuyền, ngẩng nhìn bầu trời. Hôm nay Einstein thôi không câu nữa.

“Michele, cậu có thấy những hình thù gì trong các đám mây?” Einstein hỏi.

“Tớ thấy một con dê đuổi theo một gã mặt mũi đang nhăn nhó.”

“Cậu đúng là một anh chàng thực tế”. Einstein nhìn chăm chăm vào đám mây, nhưng lại nghĩ đến dự án của mình. Anh muốn kể cho Besso về những giấc mơ của mình, nhưng còn do dự.

“Tớ nghĩ là cậu sẽ thành công lớn với lý thuyết về thời gian của cậu”, Besso nói. “Khi nào cậu xong thì tụi mình sẽ lại đi câu và cậu sẽ giải thích cái thuyết ấy cho tớ. Rồi khi nào nổi tiếng rồi thì cậu nhớ rằng đã cho tớ biết điều đó trước tiên, trên cái thuyền này.”

Einstein cười, tiếng cười của anh khiến những đám mây chao đảo.

***18 tháng Sáu 1905**

Từ một thánh đường ở trung tâm Rome, một người dòng người đông đến cả vạn người nối tiếp nhau, như một chiếc kim đồng hồ khổng lồ, vươn ra tới ven thành phố và còn xa hơn nữa. Những kẻ hành hương kiên nhẫn này hướng vào trong chứ không hướng ra ngoài. Họ chờ đến lượt được đặt chân vào Ngôi đền Thời gian. Họ chờ tới lúc được cúi đầu trước cái Đồng hồ Vĩ đại. Họ từ xa đến, thậm chí từ những nước khác, để chiêm bái thánh tích này. Giờ đây họ kiên nhẫn xếp hàng, chậm chạp nhích dần trên những con đường tuyệt hảo. Người đọc sách kinh. Kẻ bế con. Người ăn trái và hay uống nước. Trong lúc đợi chờ như thể hình như họ quên cả thời gian đang trôi. Họ không nhìn đồng hồ của mình, vì họ không có. Họ không lắng nghe tiếng chuông đồng hồ hồ trên tháp, vì trên tháp chả có chiếc đồng hồ nào.

Đồng hồ đeo tay và đồng hồ trên tháp đều bị cấm, duy nhất chỉ còn chiếc Đồng hồ Vĩ đại trong Ngôi đền Thời gian.

Bên trong ngôi đền, mười hai người hành hương đứng quanh chiếc Đồng hồ Vĩ đại, mỗi người đứng cạnh một vạch chỉ giờ trên cái khung khổng lồ bằng kim loại và kính. Một quả lắc bằng đồng thau, ánh lên dưới nền, dung đưa trong cái vòng cung tròn ở độ cao mười hai mét. Đám người hành hương hát thánh ca sau mỗi phút của đời họ bị mất đi. Đó là lễ vật của họ.

Sau một giờ đứng bên chiếc Đồng hồ Vĩ đại, những kẻ hành hương nọ đi ra, mười hai người kế tiếp đi vào qua cái cổng cao vợi vợi. Đám rước đã kéo dài hàng thế kỷ rồi.

Hồi xưa hồi xưa, trước khi có chiếc Đồng hồ Vĩ đại, thời gian được đo theo sự thay đổi của các thiên thể: theo sự di chuyển chậm chạp của các ngôi sao trên bầu trời đêm, theo vòng cung của mặt trời và sự thay đổi của ánh sáng, theo sự đầy khuyết của mặt trăng, theo thủy triều của biển cả và bốn mùa. Thời gian cũng đo bằng nhịp tim. độ buồn ngủ và giấc ngủ, của sự đói, kinh nguyệt phụ nữ, độ dài của cô đơn. Rồi thì chiếc đồng hồ cơ khí đầu tiên được chế tạo tại một thị trấn ở Ý. Người ta thích quá. Nhưng rồi người ta kinh hoàng. Vì đây là một phát minh của con người, nó định lượng thời gian trôi

qua, nó đặt thước kẻ và compa lên độ dài của lòng ham muốn, nó đo chính xác khoảnh khắc của một đời người. Nó như có phép, không thể chấp nhận được vì phản tự nhiên. Nhưng người ta không thể chối bỏ đồng hồ. Người ta sẽ phải ca tụng nó. Nhà phát minh nó được yêu cầu lắp ráp chiếc Đồng hồ Vĩ đại. Sau đó y bị giết và mọi cái đồng hồ khác bị hủy. Bấy giờ bắt đầu có những cuộc hành hương.

Trong chừng mực nào đấy cuộc sống tiếp diễn y như trước khi có chiếc Đồng hồ Vĩ đại. Tiếng cười trẻ thơ vẫn giòn vang qua các ngã đường thành phố. Các gia đình vẫn vui vẻ tụ tập uống bia, ăn thịt xông khói. Trai gái vẫn rụt rè nhìn nhau qua khung cửa của một đường vòm. Máy họa sĩ vẫn tô điểm cho các tòa nhà bằng những bức tranh của họ. Các triết gia vẫn trầm tư mặc tưởng. Tuy vậy mỗi hơi thở, mỗi cái vất chân, mỗi cái nhìn lãng mạn đều pha chút chán chường nhói cả tim. Vì mọi người biết rằng, trong một giáo đường nọ ở trung tâm Rome có một con lắc nặng bằng đồng thau được gắn tuyệt khéo với những chốt và bánh xe răng, và nó lắc để đo cuộc đời họ. Ai cũng biết một lần nào đấy mình phải đối diện với những khoảng đời nhác của mình, phải đến bày tỏ lòng tôn kính trước chiếc Đồng hồ Vĩ đại.

Dù đàn ông hay đàn bà, ai cũng phải đến Ngôi đền Thời gian.

Vì thế mà mỗi ngày - mỗi giờ trong mỗi ngày - đều có một dòng cả chục nghìn người từ trung tâm Rome xuyên qua thành phố, ra tận ven đô, một dòng người hành hương chờ cúi đầu trước chiếc Đồng hồ Vĩ đại. Họ bình thản đứng đó, đọc sách, bế con. Họ thản nhiên đứng đó, nhưng trong thâm tâm lại giận sôi lên. Vì họ phải chứng kiến việc đo cái lẽ ra không nên đo. Họ phải chứng kiến sự trôi qua chính xác của những phút và những thập kỷ. Họ bị sự sáng tạo và táo bạo của chính mình phản bội. Họ phải trả giá cho sự sáng tạo và lòng dũng cảm kia bằng chính cuộc đời mình.

***20 tháng Sáu 1905**

Trong cái thế giới này thời gian là một hiện tượng cục bộ. Hai chiếc đồng hồ nằm sát nhau chạy với tốc độ gần giống nhau. Hai chiếc đồng hồ ở xa nhau, ngược lại, chạy với tốc độ khác nhau. Càng xa nhau càng khác. Cái gì đúng với đồng hồ thì cũng đúng với nhịp tim, với nhịp thở, với làn gió thổi trên lớp cỏ cao cao. Trong thế giới này thời gian trôi với tốc độ khác nhau ở những chốn khác nhau.

Khi việc buôn bán đòi hỏi một thời gian thống nhất thì không có buôn bán giữa các thành phố nữa. Chúng quá khác nhau. Làm sao hai thành phố có thể giao thương khi ở Berne người ta chỉ cần mười phút để đếm một nghìn franc tiền giấy, còn ở Zürich cần tới một tiếng? Cho nên mỗi thành phố phải tự lo lấy. Mỗi thành phố là một hòn đảo. Mỗi thành phố phải tự trồng mơ và anh đào, mỗi thành phố phải tự chăn nuôi bò heo, tự xây dựng hãng xưởng. Mỗi thành phố phải tự xoay xở lấy.

Thỉnh thoảng có một người khách liêu đi từ thành phố này sang thành phố khác. Hẳn điên ư? Một việc ở Berne chỉ mất vài giây thì ở Fribourg có thể mất nhiều giờ, còn ở Luzern mất tới những vài ngày. Khoảng thời gian để một chiếc lá rơi ở nơi này có thể đủ cho một bông hoa ở nơi khác. Khoảng thời gian để một tiếng sấm dậy ở nơi này thì ở nơi khác đủ để hai người yêu nhau. Khoảng thời gian để một chú bé trưởng thành ở nơi này chỉ kịp cho một giọt mưa mới lặn hết khung kính cửa sổ ở nơi khác. Nhưng người khách kia không nhận thấy gì hết thấy trong những điều vừa nói. Trong khi hắn từ múi thời gian này đi sang múi thời gian khác thì cơ thể hắn thích nghi với tốc độ thời gian tại đó. Nếu mọi thứ- mỗi nhịp tim, mỗi cái đánh của con lắc, mỗi xoải cánh của con chim cốc - đều được điều chỉnh cho giống nhau thì làm sao hắn biết được rằng mình đã sang múi giờ khác? Nếu nhịp độ những đam mê của con người tương ứng với rung động của những con sóng trên mặt hồ thì làm sao người khách kia biết rằng đã có gì thay đổi?

Chỉ sau khi đã liên lạc với quê nhà thì người khách mới biết mình đã sang một múi thời gian khác rồi. Hắn được biết rằng từ lúc mình

ra đi cửa hàng quần áo của hắn đã phát đạt không ngờ, đã chào thêm nhiều mặt hàng mới, rằng cô con gái hắn đã sống hết đời mình, nay hóa già, hoặc bà vợ ông hàng xóm mới vừa kết thúc bài hát mà bà bắt đầu khi hắn mới bước ra khỏi cổng. Lúc ấy người khách kia mới hiểu rằng mình bị cắt đứt cả về thời gian lẫn không gian. Không người khách nào trở lại thành phố cội nguồn của mình cả.

Có người thích sự cô lập. Thành phố của họ là tuyệt vời đối với họ, nên họ không quan tâm đến việc quan hệ với những thành phố khác. Còn thứ lựa nào mềm hơn lựa của nhà máy mình? Có thứ bò nào cho nhiều sữa hơn bò trên bãi cỏ nhà mình? Còn thứ đồng hồ nào đẹp hơn đồng hồ trong các cửa hàng của mình? Những con người này thức dậy mỗi sáng, khi mặt trời đã lên quá đỉnh núi, họ đứng trên bao lơn mà không hề nhìn quá khỏi vành đai thành phố.

Người khác lại cần giao tiếp. Họ không ngớt hỏi han người khách lạ hiếm hoi đã tới thành phố của họ về những nơi khách đã qua, về màu mặt trời lặn ở đó, về tầm vóc của người và vật, về những ngôn ngữ ở những vùng đất khác, về cung cách quảng cáo, về những phát minh. Cuối cùng trong những kẻ tò mò kia quyết định phải tự kiểm tra, y rời quê quán tới những thành phố khác để tìm hiểu, trở thành một khách lữ hành. Y không bao giờ trở về.

Cái thế giới của thời gian cục bộ này, cái thế giới của sự cô lập này đưa đến những kiểu sống muôn hình muôn vẻ. Không có sự hòa trộn giữa các thành phố thì cuộc sống có thể phát triển cả nghìn cách khác nhau. Tại thành phố này người ta thích ở gần nhau, tại thành phố khác lại thích ở thật xa nhau. Ở thành phố này người ta thích ăn mặc giản dị, ở thành phố khác lại chẳng mặc gì hết. Ở thành phố này người ta thương tiếc cái chết của kẻ thù, ở thành phố kia chẳng có thù hay bạn. Ở thành phố này người ta đi bộ, ở thành phố kia đi đủ kiểu xe mà người ta tưởng tượng ra. Những khác biệt này và nhiều khác biệt nữa giữa các vùng chỉ cách nhau trăm cây số. Còn ngay sau một quả núi, ngay sau một dòng sông, cuộc sống đã khác rồi. Mà những cuộc sống này không giao lưu với nhau. Chúng không cho nhau gì hết thảy. Cuộc sống phát triển muôn màu

muôn vẻ nhờ sự cô lập song cũng lại chết ngấm chính vì sự cô lập đó.

***22 tháng Sáu 1905**

Hôm nay là ngày lễ phát bằng tú tài ở trường Trung học Agassiz. Một trăm hai mươi chín thanh niên áo trắng, cravat nâu đứng trên thềm đá cẩm thạch, ngọ nguậy dưới nắng nghe ông hiệu trưởng xướng danh. Trên sân cỏ các ông bố bà mẹ, người thân lơ đãng nghe, họ nhìn xuống đất, gà gật trên ghế. Cậu học trò đại diện cố đọc như máy cho xong bài diễn từ chia tay. Cậu gượng mỉm cười khi được trao huy chương để rồi quăng bém vào bụi cây ngay sau buổi lễ. Không người nào có mặt ở đó chúc mừng cậu. Lũ con trai, các bà mẹ, các ông bố, đám chị em gái thờ ơ đi về nhà ở Amthausgasse hoặc Aarstrasse, hay ngồi chờ trên ghế băng ở quảng trường trước nhà ga. Ăn trưa xong họ tụ lại chơi bài giết thời gian hoặc ngủ một giấc. Những quần áo đẹp được gấp cất đi cho dịp khác.

Cuối hè, có vài cậu vào đại học ở Berne hay Zürich, vài cậu làm việc trong hăng của bố, vài cậu khác sang Đức hay Pháp tìm việc. Mọi sự thay đổi này diễn ra dửng dưng, máy móc, như nhịp đánh xuống của con lắc, như ván cờ vua bó buộc phải đi một bước. Vì trong thế giới này tương lai định sẵn rồi.

Đây là một thế giới trong đó thời gian không ở thể lỏng, nó không còn mở đường cho cái sự kiện diễn ra nữa. Ngược lại, thời gian có một cấu trúc cứng ngắc giống như xương vậy; nó kéo dài vô tận về phía trước và phía sau, khiến tương lai cũng như quá khứ bị hóa thạch. Mỗi hành động, mỗi ý nghĩ, mỗi làn gió, mỗi cánh chim bay đều được ấn định đứt khoát và mãi mãi.

Trong nhà hát thành phố một vũ nữ ba lê chạy trên sân khấu rồi tung người lên cao. Nàng lơ lửng một lúc rồi lại đáp xuống. Saut, batterie, saut. Hai chân nàng khẽ rung vừa bắt chéo nhau, đôi cánh tay nàng vươn ra thành một vòng cung. Nàng bắt đầu quay tròn. Nàng đưa chân phải ra phía sau, vị trí thứ tư, xoay người, hai cánh tay giúp nàng quay nhanh hơn. Nàng là hiện thân của sự chính xác. Nàng là cỗ máy đồng hồ. Trong lúc nhảy nàng nghĩ lẽ ra mình có thể tự do đôi chút khi tung người lên, nhưng nàng không thể tự do được vì những động tác kia thật ra không phải của nàng. Những tác động

giữa thân thể nàng với sân khấu và căn phòng đã được xác định sẵn tới một phần tỉ milimét. Không có kẽ hở nào cho tự do. Vì kẽ hở đồng nghĩa với chao đảo. Không thể có chuyện chao đảo được. Cho nên nàng di chuyển trên sân khấu với sự chính xác của cỗ máy đồng hồ, nàng không tung người hoặc có những pha táo bạo bất ngờ mà đặt chân đúng trên vạch phẩn, nàng không hề mơ đến những cabriole ngoài dự tính.

Trong một thế giới mà tương lai được định sẵn thì cuộc sống là một dãy buồng bất tận, trong đó cứ một phòng có đèn thì phòng kế tiếp tối, nhưng được chuẩn bị để bật sáng. Ta đi từ phòng này sang phòng kia, nhìn vào căn phòng vừa được bật sáng, đó chính là khoảnh khắc hiện tại, rồi ta đi tiếp. Ta không biết gì về những căn phòng kế tiếp, nhưng biết rằng mình không thay đổi được gì hết ở những căn phòng ấy. Ta là khán giả của chính cuộc đời mình.

Nhà hóa học làm việc trong phòng được ở Kochergasse đi dạo trong phố vào giờ nghỉ trưa. Ông dừng lại trước một hiệu đồng hồ ở Marktgasse, rồi lại tiếp tục đi về hướng những cánh rừng và sông. Ông còn thiếu nợ một người bạn, song thay vì trả nợ ông khoái mua quà tặng hơn. Trên đường đi - ông cứ tấm tắc chiếc áo măng tô mới của mình - ông suy tính có thể sang năm sẽ trả bạn món nợ kia, biết đâu chừng ông sẽ lờ luôn. Ai trách ông được chứ? Trong một thế giới mà tương lai đã được định thì làm gì có chuyện tốt hoặc xấu. Tốt hoặc xấu đòi quyền tự do lựa chọn, nhưng khi mỗi hành động đều được án định từ trước thì đâu còn tự do quyết định nữa. Trong một thế giới mà tương lai đã được ấn định thì không một ai phải chịu trách nhiệm cả. Những căn phòng đằng nào cũng đã được bài trí từ trước. Nhà hóa học suy nghĩ những điều trên trong lúc đi dọc con đường qua Brunnengashalde, thở hít làn không khí rừng ẩm mát. Ông tự cho phép mình nhếch mép, ông quá hài lòng về quyết định của mình. Ông hít bầu không khí ẩm, thấy mình - lạ làm sao - được tự do làm những chuyện mình thích, tự do trong một thế giới không tự do.

* 25 tháng Sáu 1905

Chiều Chủ nhật. Người ta đi dạo dọc sông Aare trong bộ cánh dành cho ngày Chủ nhật, no nê sau bữa ăn thịnh soạn cuối tuần, người ta khẽ trò chuyện trong tiếng thì thầm của dòng sông. Các cửa hàng đều đóng cửa nghỉ. Có ba bà đi dọc Marktgasse, họ dừng lại đọc các quảng cáo, họ dừng lại ngắm các món hàng trưng bày trong tủ kính rồi lại thông thả đi tiếp. Một gã chủ quán lau chùi mấy bậc tam cấp rồi ngồi xuống đọc báo, tựa lưng vào bức tường bằng sa thạch, nhắm nghiền mắt. Phố xá đang ngủ. Phố xá đang ngủ, trong không gian trầm bồng tiếng vĩ cầm.

Giữa một căn phòng đầy sách vở trên bàn có một chàng trai đứng kéo vĩ cầm. Anh yêu cây đàn của mình. Anh chơi một khúc du dương. Vừa chơi đàn anh vừa ngó xuống đường, thấy một đôi trai gái ôm nhau, anh quan sát họ với đôi mắt nâu thẫm rồi quay đi. Anh đứng im đến nỗi tiếng nhạc của anh là sự vận động duy nhất, tiếng nhạc của anh tràn ngập căn phòng. Anh đứng thật lặng lẽ, nghĩ tới vợ và thằng con nhỏ ở căn phòng ngay tầng dưới.

Trong lúc anh chơi đàn thì một người khác, giống hệt anh, đứng giữa phòng kéo cây đàn của y. Y ngó xuống đường, thấy một đôi trai gái ôm sát nhau, y quay đi và nghĩ tới vợ với thằng con. Trong lúc y kéo đàn thì lại thêm một người thứ ba đứng đó kéo vĩ cầm. Thêm một người thứ tư, thứ năm ... vô số những chàng trai đứng trong phòng kéo đàn. Có vô số làn điệu và ý nghĩ. Và một giờ đồng hồ này, thời gian mà những chàng trai kia chơi đàn, không phải chỉ là một giờ riêng lẻ thôi, mà nhiều giờ. Vì thời gian chỉ cũng như ánh sáng giữa hai tấm gương. Nó nhảy qua lại, tạo ra vô số hình ảnh, giai điệu ý tưởng. Trong một thế giới của vô số bản sao.

Trong lúc ngẫm nghĩ, người đàn ông thứ nhất cảm thấy có những người khác. Anh cảm thấy nhạc và suy nghĩ của họ. Anh cảm thấy chính mình bị sao thành nghìn lần, cảm thấy căn phòng với đồng sách vở này được sao thành cả nghìn lần. Anh cảm thấy ý nghĩ của mình bị sao chụp. Anh có nên rời bỏ vợ không? Anh đã cảm thấy gì lúc nàng nhìn anh qua chiếc bàn trong thư viện trường Đại học Bách khoa? Mái tóc nâu dày của nàng giờ đây thế nào? Nàng đã đem lại

cho anh niềm an ủi gì? Còn nỗi cô đơn nào nữa, ngoài cái giờ anh kéo đàn này?

Anh cảm thấy những người kia. Anh cảm thấy mình bị sao cả nghìn lần, cảm thấy căn phòng này bị sao cả nghìn lần, cảm thấy ý nghĩ của mình bị sao chụp. Bản chụp nào thật là bản nguyên, là chính anh trong tương lai? Anh có nên rời bỏ vợ không? Anh đã cảm thấy gì lúc ấy trong thư viện trường Đại học Bách khoa? Nàng đã đem lại cho anh niềm an ủi gì? Còn nỗi cô đơn nào nữa, ngoài cái giờ anh kéo đàn này? Ý nghĩ của anh nhảy qua nhảy lại cả nghìn lần giữa những bản sao của chính anh và nhạt đi sau mỗi lần nhảy như thế. Anh có nên rời bỏ vợ không? Nàng đã đem lại cho anh niềm an ủi gì? Còn nỗi cô đơn nào nữa? Ý nghĩ của anh cứ mơ hồ dần, cho đến khi anh không còn biết mình hỏi gì và tại sao. còn nỗi cô đơn nào nữa? Anh nhìn ra ngoài đường không bóng người và kéo đàn. Tiếng nhạc của anh tràn ngập căn phòng, rồi khi cái giờ ấy, vốn là vô số giờ, trôi qua thì anh chỉ còn nhớ có tiếng nhạc.

***27 tháng Sáu 1905**

Mỗi thứ Ba, một người đàn ông đứng tuổi đều chở đá từ mỏ đá ở phía đông Berne đến cửa hàng của người thợ nề trên Hodlestrasse. Ông có vợ, hai con đã lớn và ở riêng, một người anh mắc chứng lao sống ở Berlin. Suốt năm ông khoác cái áo bông xám, làm việc ở mỏ đá tới lúc nhá nhem mới về ăn tối với vợ rồi đi ngủ. Chủ nhật ông săn sóc vườn tược. Sáng sáng thứ ba ông chất đá lên xe tải chạy vào phố.

Vào tới phố, ông ngừng ở Marktgasse để mua bột và đường. Ông ngồi yên lặng nửa giờ nơi những hàng ghế cuối trong ngôi nhà thờ chính tòa. Ông ngừng ở Bưu điện, gửi một lá thư đi Berlin. Rồi trong khi đi ngang qua những người khác trên đường phố, ông cúi nhìn xuống đất. Có vài người quen biết tìm cách làm ông chú ý hoặc là chào ông. Ông lẩm bẩm gì đó rồi đi tiếp. Tuy cung cấp đá cho người thợ nề trên Hodlergasse nhưng ông không thể nhìn thẳng vào mặt y. Ông nhìn qua một bên, ngó bức tường, đứng ở một góc khi đáp lại lời trò chuyện thân mật của người thợ nề trong lúc cân đá.

Bốn mươi năm trước, hồi đi học, ông đã đá ra quần trong lớp vào một chiều tháng Ba. Lúc ấy ông không nén nổi. Sau đó ông định cứ ngồi lì, nhưng đám trẻ kia thấy bãi nước bèn truy đuổi ông chạy khắp lớp. Chúng hò la chỉ vào vết ướt trên quần ông. Hôm ấy nắng như dòng sữa tuôn qua cửa sổ, chiếu rọi trên hành lang lát gỗ của lớp học. Hơn hai chục cái áo khoác treo trên móc cạnh cửa ra vào. Phấn vạch trên bảng tên những thủ đô của châu Âu. Các bàn học có mặt gỗ đẩy lên cao được và một ngăn bàn. Bàn của ông, góc trên cùng bên phải có khắc chữ "Johann". Không khí ẩm và ngộp vì hơi nước lò sưởi. Một cái đồng hồ có kim màu đỏ thật to chỉ hai giờ mười lăm.

Lũ trẻ chế nhạo ông trong lúc đuổi ông chạy khắp lớp với vết ướt trên quần. Chúng hò la: "Đái dầm! Dấm dãi! Đái dầm!"

Kỉ niệm này đeo theo ông suốt đời. Sáng sáng khi thức dậy, ông là đứa trẻ từng đá ra quần. Gặp người ta trên đường phố, ông biết họ nhìn vết ướt trên quần mình. Ông ngó vội xuống quần rồi quay đi.

Khi các con về thăm, ông ở lì trong phòng, chỉ tiếp chuyện chúng qua cánh cửa. Ông là đứa trẻ đã không nhìn nổi cơn mót tiểu.

Nhưng quá khứ là gì nhỉ? Có thể nào sự không thay đổi được gì của quá khứ chỉ là ảo tưởng? Có thể nào quá khứ là cái kính vạn hoa, là một mẫu hình mà mỗi làn gió, một tiếng cười, một ý nghĩ lại làm cho thay đổi? Và nếu mọi sự thay đổi thì bằng cách nào chúng ta biết được sự thay đổi ấy?

Trong một thế giới với quá khứ đổi thay thì một buổi sáng kia, ông chủ mỏ đã thức dậy mà không còn là đứa nhỏ không nhìn nổi cơn mót tiểu nữa rồi. Cái buổi chiều tháng Ba xa xôi kia chỉ là bất cứ một buổi chiều nào đấy. Vào cái buổi chiều đã quên nọ, ông ngồi trong lớp, khi thầy giáo gọi thì ông trả bài, tan học ông với đám trẻ kia chơi trượt băng. Bây giờ ông làm chủ một mỏ đá. Ông có chín bộ quần áo. Ông mua cho vợ đồ sứ cao cấp, chiều Chủ nhật nào phòng vợ chồng ông cũng đi dạo thật lâu. Ông ghé thăm bạn bè trên Amthaugasse và Aarstrasse, mỉm cười bắt tay họ. Ông bỏ tiền đi nghe hòa nhạc...

Một buổi sáng ông thức dậy và ...

Khi mặt trời mọc trên thành phố thì cả vạn người ngáp, ăn bánh mì, uống cà phê. Những lối đi mái vòm ở Speichergasse có cả vạn người, họ đi tới chỗ làm ở Speichergasse hay dắt con cái ra công viên. Mỗi người có kỉ niệm riêng: một ông bố không thương nổi con, một người anh lúc nào cũng trội hơn em, một người tình biết cách hôn tuyệt vời. Chép bài của nhau trong lớp, sự yên ắng sau khi tuyết vừa rơi, việc công bố một bài thơ. Trong một thế giới với quá khứ đổi thay thì những kỉ niệm này giống nhau như trấu trong gió, chỉ là những giấc mơ thoáng qua, là những hình thù trong đám mây. Cái gì đã xảy ra đều mất đi thực chất của nó, nó biến đổi - chỉ qua một cái nhìn, một trận bão, một đêm thôi. Trong thời gian, quá khứ chưa hề xảy ra. Nhưng ai có thể biết được điều đó? Ai có thể biết được rằng quá khứ không thật bền vững như khoảnh khắc này đây, khi mà nắng tràn ngập vùng núi Alps ở Berne, khi những gã chủ tiệm vừa hát vừa nâng mái hiên bằng vải bạt và người chủ mỏ đã bắt đầu chất đá lên xe tải.

***28 tháng Sáu 1905**

“Đừng ăn nhiều thế”, bà mẹ già vỗ vai con trai. “Con sẽ chết trước mẹ mất thôi, rồi ai lo cho số bạc của mẹ đây?” Gia đình họ đi picnic trên bờ sông Aare, mười cây số về phía Nam Berne. Máy bé gái đã ăn xong, đang chơi đuổi bắt quanh một gốc thông. Cuối cùng chúng nằm như lịm đi trên bãi cỏ rậm, sau một lúc nằm yên chúng lần qua trở lại cho đến khi chóng mặt mới thôi. Người con trai, cô vợ béo núc ních và bà mẹ già ngồi trên một cái chăn, ăn thịt nguội xông khói, pho mát, bánh mì chua với mù tạt, nho và bánh sôcôla. Trong lúc họ ăn uống, một làn gió nhẹ từ sông thổi đến, họ thở hít làn không khí mùa hè ngọt ngào.

Anh con trai tháo giày, gác ngoắc mấy ngón chân trong đám cỏ.

Lúc ấy một đàn chim bay qua. Anh con trai nhòm người nhảy khỏi tấm chăn, cứ chân không chạy theo chúng. Anh biến mất sau ngọn đồi. Những người khác thấy đàn chim bay từ phố ra cũng chạy vội theo anh.

Một con chim đáp xuống cây. Một bà leo lên, vươn tay bắt, nhưng nó nhảy lên một cành cao hơn. Bà thận trọng ngồi thòng hai chân trên cành nọ trườn theo nó. Con chim nhảy trở lại cái cành thấp. Bà kia đành chịu kẹt trên cây. Một con chim khác sà xuống mổ hạt. Hai ông cầm một cái chụp thủy tinh to tướng len lén bò lại gần nó. Nhưng con chim nhanh hơn, nó tung cánh theo bầy.

Giờ đây lũ chim bay qua thành phố. Ông cố đạo đang đứng trên tháp chuông tìm cách nhử chúng vào cái cửa sổ hình vòm. Trong khu vườn Kleine Schanze, một bà lão thấy lũ chim sà xuống ngủ trên bụi cây. Bà lão cầm cái chụp thủy tinh lò dò tới nhưng biết chẳng hy vọng gì bắt được con nào nên buông cái chụp òa khóc.

Nào phải riêng bà cụ thất bại đâu. Dù đàn ông hay đàn bà, người nào cũng muốn bắt được chim. Vì bầy chim sơn ca này chính là thời gian. Thời gian vỗ cánh, nhảy nhót với đàn chim. Nếu chụp được chim bằng cái chụp thủy tinh thì thời gian sẽ ngưng đọng. Khoảnh khắc ấy sẽ bất động cho mọi người, mọi cây cối và mặt đất trên một phạm vi rất rộng.

Quả thật hiếm khi bắt được lũ chim. Lũ trẻ vốn nhanh chân nhanh tay nhất lại không có nhu cầu níu thời gian lại. Với chúng thì thời gian như thế này đã là trôi quá chậm. Chúng hối hả theo từng khoảnh khắc, sốt ruột chờ đến sinh nhật, năm mới, chúng không đủ kiên nhẫn chờ những gì sẽ tới trong đời.

Còn người lớn khao khát níu kéo thời gian, nhưng lại quá chậm chạp và đuối sức, khó bắt nổi chim. Đối với người lớn thì thời gian trôi vù vù thấy mà khiếp. Họ khao khát níu lại được một phút trong lúc ngồi ở bàn ăn sáng uống trà, níu được cái khoảnh khắc đứa cháu vướng tay vướng chân khi cởi áo tắm, níu được buổi chiều khi tuyết hắt ngược ánh mặt trời lại khiến phòng chơi nhạc sáng lòa. Nhưng họ chậm chạp quá. Họ đành nhìn thời gian nhảy lung tung và bay biến đi.

Còn khi bắt được một chú sơn ca thì những kẻ tóm được nó sẽ miệt mài trong cái khoảnh khắc ngưng đọng ấy. Họ mê say nhìn ngắm chỗ ngồi và nét mặt của người thân và bè bạn, tận hưởng cái cảm giác hạnh phúc về một phần thưởng vừa giành được, một đứa bé chào đời hay một chuyện tình, mùi thơm lưu lại của quế hay của bông hoa hai màu tím màu trắng. Những kẻ tóm được chim sẽ miệt mài trong cái khoảnh khắc ngưng đọng đó, nhưng họ sớm nhận ra rằng con chim sơn ca kia sẽ chết, giọng hót trong như tiếng sáo của nó câm bặt, rằng cái khoảnh khắc họ bắt được kia sẽ tàn lụi và tắt ngấm.

***Bạt**

Tiếng chuông ngọn tháp đồng hồ vang lên tám lần xa xa. Người nhân viên trẻ lo việc cấp bằng phát minh ngẩng đầu khỏi bàn giấy, đứng dậy vờn người đi tới bên cửa sổ.

Ngoài kia thành phố đã thức giấc. Một cặp vợ chồng cãi vã khi cô vợ đưa bữa trưa cho anh chồng đi làm. Mấy cậu học trò trên đường đến trường trung học ở Zeughausgasse chuyền bóng cho nhau, hào hứng kháo nhau về kì nghỉ hè. Hai người đàn bà hối hả xách giỏ lép kẹp đi chợ ở Marktgasse.

Lát sau, một viên chức cao cấp của Viện bước vào phòng, ngồi vào bàn làm việc không nói một lời nào. Einstein ngoái nhìn cái đồng hồ ở góc phòng. Tám giờ ba phút. Anh bồn chồn xóc lèng xềng mấy đồng tiền kim loại trong túi.

Tám giờ bốn phút cô thư kí bước vào. Cô mỉm cười khi thấy Einstein đứng ở cuối căn phòng với xấp bản thảo viết tay của anh. Lúc rảnh cô đã từng đánh máy giúp anh mấy bài báo và cô đòi bao nhiêu anh cũng sẵn sàng trả bấy nhiêu. Anh là một người trầm tĩnh, tuy thỉnh thoảng cũng kể dăm ba truyện tiểu lâm. Cô mến anh.

Einstein đưa cô tập bản thảo, lí thuyết của anh về thời gian. Lúc ấy là tám giờ sáu phút. Anh quay về bàn của mình, ngó chồng hồ sơ, đoạn đi tới một kệ sách lôi ra quyển ghi chép. Anh quay người, tới bên cửa sổ lần nữa. Cuối tháng Sáu mà trời trong lạ thường. Anh có thể nhận ra mỏm núi Alps sau một chung cư. Núi xanh, mỏm phủ tuyết trắng. Trên cao nữa một cánh chim chỉ còn như một vệt đen đang từ từ lượn vòng trên bầu trời.

Einstein quay lại bàn, ngồi một lát rồi lại đến bên cửa sổ. Anh thấy mình trống rỗng. Anh không hứng thú xét đơn xin cấp bằng phát minh, trò chuyện với Besso hay suy nghĩ về vật lí. Anh thấy mình trống rỗng, và thờ ơ nhìn cái vệt đen nhỏ xíu kia cùng rặng Alps.